

Nam - Mô Bồ - Sư
THÍCH - CA MÃU - NI PHẬT
 Tác Đại - Chứng - Minh
PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ
Tỳ-Ba tự Trư-Trì : Giác-Nhiên duyệt-y
 Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y
Ký tên thế : Lê-Đình-Thâm

M U C - L U C

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

- Mời và cũ (Viên-Âm) 3

II. — DIỄN-ĐÀN

- Đâu là con đường hạnh-phúc (tiếp theo và hết) 4

III. — LUẬN-ĐÀN

- Phật pháp đối với thương-nghiệp 13
 — Mê tín và chánh-tín (tiếp theo và hết) 19

IV. — KINH-HỌC

- Đại ý kinh Thủ-Lăng-Nghiêm 25
 — Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm Hán-tự 29

V. — LUẬN-HỌC

- Nhơn-minh nhập chánh-lý luận (tiếp theo) 37
 — Thanh-niên học-tăng 45
 — Đâu là tịnh độ 46
 — Ăn chay 50

VI. — VẤN ĐÁP

- Một thời tiếp chuyện 53
 — Kinh bạch Ny-cô Nguyệt-Anh 55

VII. — THI-LÂM

- Thi-lâm 57

IV. — VIỆC VẬT

- Ý tưởng người học Phật đối với thời-sự : Cạnh tranh . . . 59
 — Phật-giáo-đồ ở Miến-diên kháng nghị
 bọn ngoại đạo xâm chiếm Tổ đình ở Ấn-độ 63
 — Ai là bạn độc-giã Viên-Âm 63



PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT SAN

VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Huế được nghị-dịnh quan Toàn Quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất-bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội-dung VIÊN-ÂM chỉ giảng-giải đủ các lý-thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài Pháp-văn.

Giá Nguyệt-san	{	một năm.	2\$00
		nửa năm.	1\$ 10
		mỗi quyển.	0\$20

Hội-Viên của Hội Phật-Học mua Nguyệt-San thì được trừ 25%.

TÒA-SOẠN : Route Nam-Giao HUẾ

Thơ từ và bài vở xin gởi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Mandat mua Nguyệt-San xin gởi cho

M. Hoàng-xuân-Ba, Quản-lý

Viên-Âm, Boite postale N° 73 — HUẾ

PHỒ - CẢO

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán-thành. Bản-San xin ghi tên vào thơ mua Nguyệt-San rồi gởi một lần với mandat để Bản-San gởi tiếp số sau cho khỏi trễ và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giúp. Xin giữ talon mandat mua Nguyệt-San để thế biên-lại.

Những bài lai-cảo đáng được. Bản-San giữ quyền nhuận sắc; bài đáng không được thì không trả bản-thảo lại.

Bản-San giữ bản-quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.



MỚI và CŨ

Người đời thường so đo những cũ với mới. Người theo lối cũ thì việc gì cũ mới thích, nào tư tưởng, nào cư xử, nào hành động, nhứt nhứt đều mong cho y như lối cũ.

Trái lại, người theo lối mới thì cái gì mới là ưa, tư-tưởng mới, cư xử mới, hành động mới, nhứt nhứt đều theo lối mới.

Song xét ra thì lối mới đã vị tất hoàn toàn hay hơn lối cũ và lối cũ cũng vị tất hoàn toàn hay hơn lối mới. Nếu quá chấp một cái thành kiến, nhắm mắt theo càn, không xét đều hơn sự thiệt thì chỉ cho khỏi đề một trò cười cho những thức gia.

Đời xưa, một người con gái nhà giàu khờ dại lấy được một người chồng rất khôn ngoan. Một hôm, người vợ mua về một bình trà, gặp phải trà cũ, anh chồng uống không được, mới dặn người vợ rằng: Phàm mua trà Tàu phải mua trà mới, chớ trà cũ để lâu ngày thì không thể uống được. Vậy từ rày rập sau phải cho nhớ đừng mua những thứ trà cũ nữa. Người vợ nghe lời chồng dặn lại hiểu lầm rằng hề cái gì mới cũng tốt hơn cái cũ, nên hôm sau gặp người đến nhà bán lục bình thì người vợ đem cái lục bình xưa trong nhà ra đổi một cái lục bình mới, may nhờ người chồng hay được cản ngăn mới khỏi mất một vật quý báu vô giá.

Thế mới biết có cái mới không bằng cũ, có cái cũ không bằng mới, người đời cần phải xét rõ chỗ hay chỗ dở không nên câu nệ rằng cũ hay mới.

VIÊN - ÂM



DIỄN - ĐÀN

ĐÂU LÀ CON ĐƯỜNG HẠNH-PHÚC

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

III.— PHẬT-GIÁO

Thấy cái tình hình nguy hiểm cho Nhơn-loại hiện thời, cái tình hình mà các học-thuyết, tôn-giáo vừa kể trên không thể bỏ-cứu, nên tôi không nệ tài đức thô sơ, xin đem chỗ học hơi kinh nghiệm ít nhiều về Phật-pháp ra đây, họa may có giúp ích được một vài phần cho công-chúng.

Đại phạm, một ông lang muốn làm thuốc, trước hết phải xét thấu bệnh căn của người ốm, xét rõ nguyên cớ vì sao sanh ra tật bệnh rồi mới có thể cho thuốc một cách đúng đắn; chớ nếu không xét rõ bệnh căn, nghe nói đau đầu thì cho thuốc đau đầu, nghe nói no hơi thì cho thuốc no hơi, thì rốt cuộc người ốm đã không lành, mà lắm khi lại sanh ra nguy hiểm nữa. Vậy hiện nay chúng ta muốn dứt trừ các sự khổ-não, các sự tranh-danh-xấu-xé thì chúng ta cần phải xét cái nguyên-nhơn của các điều ấy từ đâu, xét rõ cùng tột cái nguyên-nhơn của các điều ấy rồi, chúng ta mới có thể tìm các phương-pháp để đoạn trừ các nguyên-nhơn ấy;

nguyên-nhơn khổ-não đã hết thì cái hiện-trạng khổ-não cũng không còn, được như vậy mới quyết chắc giải-cứu Nhơn-loại ra ngoài các sự khổ-não. Vậy cái nguyên-nhơn của sự thống-khổ và các phương-pháp dứt trừ các nguyên-nhơn ấy là hai điều mà chúng ta cần phải nghiên-cứu.

1) Nguyên-nhơn của sự thống-khổ

Như trước đã nói, cuộc đời hiện nay không khác gì một bãi chiến-trường mà Nhơn-loại là những kẻ nghịch-thù, hằng ngày cạnh tranh xung đột lẫn nhau: giàu với nghèo, mạnh với yếu, khôn với dại, khéo với vụng, cùng nhau xâu xé, bên này ăn hiếp bên kia, bên kia chống cự bên này, cho đến nước này với nước khác cũng cùng nhau ra giữa chiến-trường tranh dành quyền lợi. Nguyên-nhơn của các sự xung đột ấy từ đâu? Chính là từ ba cái độc tham, sân, si mà phát sanh ra cả. Tham nghĩa là muốn thâu góp những món danh lợi, những điều mà Nhơn-loại thường ưa thường thích về phần mình. Đã tham lam thì dầu bày mưu sập kế làm những việc hung dữ bao ngược đến đâu cũng không gớm; miễn cướp đoạt được danh lợi về phần mình là mãn nguyện. Xem như một ông quan ăn hối lộ của kẻ gian nghịch làm cho người vô tội phải bị gông cùm xiềng xích, xem như một người nhà giàu lợi dụng sự nguy cấp của kẻ khác mà cho vay một vốn mười lời, xem như những kẻ trộm cướp giết người đoạt của cho đến những kẻ vu cáo giá họa, ai nấy đều vì lòng tham, chỉ biết sự lợi riêng của mình mà không nghĩ đến điều thiệt hại của kẻ khác. Một người tham, mười người tham, cả thế-giới đều tham nên phải tranh dành xâu xé lẫn nhau. Người được quyền-lợi thì sanh lòng kiêu-mạng và tham-cầu việc khác, người mất quyền-lợi thì sanh lòng sân giận, tìm cách báo thù trả oán. Vì tham lam sân giận mãi mãi không thôi nên đến nỗi về sau chẳng còn biết gì là phải là quấy, chẳng còn biết gì là lẽ nghĩa liêm-sĩ, cứ si-mê theo vật-dục mà không lúc nào hiết tự tính. Tham, sân sanh ra si-mê, si-mê sanh ra

tham sân, ba cái độc tham sân si là cái gốc phát sanh ra tất cả các sự phiền não khổ-sở của nhơn-loại.

Vì đâu mà có tham sân si :

Tất cả những loài hữu tình đều chấp rằng thiết có mình, thiết có thân mình, thiết có các sự vật xung quanh mình. Đã chấp có mình thì tất nhiên phải chấp cái mình ở chỗ nào, do đó mà chấp có cái thân của mình; đã chấp có cái thân thì đối với thân ấy tất nhiên phải có hoàn-cảnh. Đã có hoàn-cảnh đối đãi với thân, có thân đối đãi với hoàn-cảnh, thì cái gì thích-hiệp với thân là cái đáng ưa, cái gì ở hoàn-cảnh trái nghịch với thân mình là cái đáng ghét, đã có ưa có ghét thì có tham có sân, do đó nên càng ngày càng si-mê theo vật-dục. Lại đã có mình thì có kẻ khác, mình có thân người kẻ khác cũng có thân người, cái gì mình ưa thì người khác cũng ưa, cái gì mình ghét thì người khác cũng ghét; đồng ưa, đồng ghét, đồng tham, đồng sân, đồng si, nên nhơn-loại mới phát sanh ra những sự cạnh-tranh xung đột. Lại đã chấp có thân mình và chấp có ngoại-cảnh, thì cái gì về phần mình như nhà của mình, vợ con của mình, đất nước của mình, chủng loại của mình thì mình thân, cái gì không phải về phần mình thì mình sợ; do có thân, có sợ, có ưa, có ghét, có tham có sân có si, nên trong nhơn-loại phát-sanh ra ước nầy xung đột với nước khác, giai-cấp nầy xung đột với giai-cấp khác, làm cho cái phong-trào cạnh-tranh càng ngày càng thêm lừng lẫy.

Chẳng những sự cố-chấp có thân mình và có ngoại-cảnh phát sanh ra tham sân si làm cho nhơn-loại phải chịu lầm đều khổ-não, mà những lỗi thống-khổ khác như giá-dầu sống chết cũng đều do sự cố chấp ấy mà phát sanh ra cả.

2) Phương-pháp dứt trừ nguyên-nhơn thống-khổ.

Chúng ta đã xét rõ cái nguyên-cớ của sự thống-khổ,

loài người là vì cố chấp thiết có mình, thiết có cảnh-vật, vậy chúng ta hãy xét những lỗi cố-chấp như vậy là đúng lý hay không đúng lý, nếu không đúng lý thì chúng ta cần phải bỏ hẳn lối cố-chấp ấy đi để đoạn trừ các nguyên-nhơn sự thống-khổ.

a) Không có thiết ngã

Chúng ta thử xét, chúng ta khác với các loài khoáng-vật như đất đá, khác với các loài thực-vật như cỏ cây là vì chúng ta có tri-giác, có cảm tính có ý-chí, rõ biết sự sự vật vật; rõ biết như vậy là phần riêng của mình không dính dứ gì đến ai thì làm sao mà nhận được rằng không có mình, rằng không không có thiết ngã.

Muốn biết rõ ràng có thiết ngã hay không thiết ngã chúng ta cần phải đề tâm trí ra ngoài những lối tập-quán xưa nay, — cái tập-quán nhân có thiết ngã — lấy sự phân đoán của khách quan mà phân tích cho rõ ràng, biện luận cho đúng đắn thời mới có thể rõ được sự thật.

Hiện nay chúng ta thấy là cảm giác nơi con mắt, nghe là cảm giác nơi lỗ tai, biết mùi là cảm giác nơi lỗ mũi, biết vị là cảm giác nơi cái lưỡi, biết nóng, biết lạnh, biết cứng, biết mềm, biết trơn biết nhám vân vân là cảm giác nơi thân thể, biết phân biệt sự nầy vật khác là cảm giác nơi ý chí; những lối đó toàn về phần cảm giác, ly các sự cảm giác ấy ra thì còn cái gì thiết thiết tồn tại đảm mà gọi là thiết ngã. Lại nếu chúng ta nhận cái cảm giác, nơi con mắt là ngã thì những cảm giác khác không phải là ngã; nếu tất cả các cảm giác đều là ngã thì hóa ra nhiều cái ngã; vậy còn biết cái ngã nào mới thiết là mình mới là thiết ngã.

Còn như nói cảm giác là một, thì thấy và nghe không thể thành hai, vậy vì sao con mắt lại không nghe, lỗ tai lại không thấy; lại nếu cho rằng tất cả cảm giác hội hiệp lại thành cái ngã, thì cái ngã cũng chỉ là một cái tên như cái bộ salon, trừ các bàn ghế ra thì không còn gì là

thiệt thể nữa.

Lại người đời vì sao mà cho rằng có thiệt ngã, có phải là nhận biết có sự thiệt ngã không? Nếu nhận biết có sự thiệt ngã thì cái ngã là một cái bị biết, vậy người đời đem cái gì mà biết cái ngã. Xét như vậy thì biết rằng hiện chúng ta thiệt có thấy, nghe hay biết, nhưng thấy nghe hay biết là thấy nghe hay biết chứ không có một vật gì thiệt thiệt tồn tại đáng gọi là ngã cả.

b) không có thiệt vật

Lại chúng ta hiện thấy các cảnh vật nào trời nào đất, nào núi nào sông, thế vì sao mà cho rằng không có thiệt vật? Muốn biết muôn vật thiệt có hay không thiệt có, chúng ta cần phải ở nơi thật trạng mà phân - tích rõ ràng, biện luận phân minh, ra ngoài những lối thành - kiến của nhơn-loại, những sự mê-tin của học-thuyết thế-gian, những tập-quán phân biệt của mình, thì mới có thể rõ được sự thật.

Vậy hiện nay chúng ta do đâu mà biết rằng có sự sự vật vật? Hỏi như vậy chắc ai ai cũng trả lời rằng: vì chúng ta hiện thấy, hiện nghe, hiện cảm xúc nên biết rằng có sự sự vật vật, nhưng nếu nói là hiện thấy thì sao chúng ta hiện thấy những bóng trong gương lại không cho là thiệt có. Như nếu nói là hiện nghe thì vì sao khi uống ky-ninh nghe vù vù trong lỗ tai lại không cho là thiệt có. nếu nói rằng hiện cảm - xúc thì vì sao đồng một vật, khi tay chúng ta mới cầm nước đá trở rờ bàn ghế đều ấm cả, còn khi tay chúng ta mới nhúng nước nóng, trở rờ bàn ghế đều nghe lạnh cả, cho đến những cảm-giác nơi lỗ mũi, nơi cái lưỡi cũng không nhưt định. vậy chúng ta còn nương vào đâu mà cho rằng có thiệt vật. Lại những lối thấy dài thấy ngắn, nghe to nghe nhỏ, biết cứng biết mềm vân vân đều vì đối đãi với cái thân - thể mà hóa ra như vậy; thân - thể nhỏ thì thấy lớn, thân thể lớn thì thấy nhỏ; thân-thể nóng thì nghe lạnh, thân-thể lạnh thì nghe nóng, nhưng sự cảm-giác chỉ theo thân-thể mà biến-đổi chứ không nhưt định.

Huống chi vật gì vật gì cũng đều do nhóm họp mà thành.

Ví như một thỉnh-chúng do nhiều người nghe pháp hội-hiệp mà thành, song người nào vẫn là người nấy không ai là thỉnh-chúng và cái thỉnh-chúng chỉ là một danh-từ chứ không có thiệt-thể.

Muôn sự muôn vật cũng vậy, sự gì vật gì cũng có thể chia chẻ ra các nguyên - nhơn, ra các bộ - phận nên sự gì vật gì cũng chỉ có cái danh-từ chứ không có thiệt-thể. Hiện như một quyển sách do cái bìa, do các tờ giấy, do mực, nhơn - công tạo - thành, nhưng bìa, vẫn là bìa chứ không phải là sách, giấy vẫn là giấy chứ không phải là sách, mực vẫn là mực, nhơn-công vẫn là nhơn-công chứ không phải là sách và trừ các cái ấy ra cũng không có gì đáng gọi là sách cả. Vậy quyển sách cũng chỉ là một danh-từ chứ không có thiệt - thể, cho đến cái bìa cũng vậy, cái bìa cũng do nhiều bộ phận nhóm họp mà thành, xé ra từng miếng nhỏ thì không miếng nào đáng gọi là bìa cả. Cho đến cái thân thể của chúng ta cũng vậy, thân-thể do các tế-bào nhóm-hợp tạo thành, chỉ có danh-từ mà không thiệt.

c) Vạn pháp duy-thức

Chúng ta đã xét như vậy thì biết rằng hiện không có cái gì đáng gọi là thiệt-ngã, là thiệt-vật, vậy vì sao hiện nay lại in tưởng có ngã, có vật?

Ví như trong khi chúng ta nằm chiêm - bao cũng có thân trong mộng, cảnh trong mộng cũng có cảm-giác phân biệt cũng ngỡ là thiệt có ngã, thiệt có vật, rồi thấy mình làm quan cũng vui, thấy mình ở tù cũng buồn, thấy mình đau cũng rên la, thấy mình chết cũng khổ sở, cũng tham giận si mê, cũng cạnh - tranh phần - đấu trong cảnh chiêm-bao, nhưng đến khi tỉnh dậy thì dầu có nhớ lại những cảnh trong chiêm - bao đi nữa cũng biết cảnh - tượng ấy đều do cái tâm chiêm-bao biến hiện, quyết không chấp là thiệt-ngã, là thiệt-vật. Hiện nay chúng ta thấy in tưởng có thân có cảnh, thân ấy, cảnh ấy chẳng khác gì với thân với cảnh trong chiêm-bao, vậy nó cũng chỉ do thức-tâm biến hiện, chỉ vì chúng ta chưa tỉnh dậy nên chưa nhận rõ đó thôi.

Có người lại nghĩ rằng cảnh chiêm-bao do thức-tâm biến hiện là một việc dễ hiểu, vì nó chỉ có trong một lúc thôi, chờ cảnh vật giữa này, lúc nào ngủ dậy cũng thấy y như ngày trước, sao gọi là không thiết có. Tôi xin đáp lại rằng: Lắm khi trong một giấc chiêm-bao thấy đến 4, 50 năm, trong khi ấy cũng có thức, cũng có ngủ, mà cảnh chiêm-bao vẫn không thay đổi, duy đến khi tỉnh dậy không chiêm-bao nữa thời mới biết là chiêm-bao mà thôi.

Vậy cảnh vật giữa này có khác chi là cảnh chiêm-bao mà cho là thiết có. Chúng ta thử nghĩ, Nếu chúng ta không phân biệt thì còn có cái gì là xanh đỏ, là dài ngắn, là thơm thối, là ngọt mặn, là cứng mềm, là nóng, là lạnh vân vân, mà trừ các món phân biệt ấy ra thì còn gì đáng gọi là sự sự vật vật.

Thức-tâm của chúng ta là cái nhận biết sự sự vật vật, sự sự vật vật là những cái bị thức-tâm nhận biết, vậy ngoài cái thức-tâm nhận biết ra còn có cái gì đáng gọi là sự sự vật vật, vì những lẽ ấy nên Phật dạy rằng: “Vạn pháp duy thức”, nghĩa là sự sự vật vật đều do thức-tâm biến-hiện. Khi thức-tâm chúng ta theo nghiệp nhận cái thân người là thân mình, thì thức-tâm nương theo thân người biến ra các món sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của loài người và nương theo sáu món sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp biến ra sự sự vật vật. Vậy hiện nay in tường có ngã, có vật, đều là những tướng-tượng của thức-tâm, thiết ra thì không có gì đáng gọi là thiết ngã, là thiết vật.

d) Phương-pháp tu trì

Chúng ta noi đạo-lý đã nhận rõ không có thiết ngã, không có thiết vật, những cái hiện thấy in tường là ngã là vật đều do thức-tâm biến hiện mà thôi, vậy chúng ta hằng ngày thường phải quán-sát sự sự vật vật, dầu ngã, dầu pháp đều do thức-tâm biến hiện.

Như khi chúng ta thấy sắc, chúng ta phải nhận rõ những màu xanh đỏ trắng vàng, những hình dài ngắn vuông tròn

đều do nhãn-thức biến hiện, trừ nhãn-thức ra thì không có gì đáng gọi là xanh là vàng, là ngắn là dài cả. Lại như chúng ta nghe tiếng, chúng ta cũng nhận là do nhĩ-thức biến-hiện, chúng ta ngửi mùi, chúng ta cũng nhận là do tĩ-thức biến-hiện, chúng ta nếm vị chúng ta cũng nhận là do thiệt-thức biến hiện, chúng ta biết cứng biết mềm, biết trơn biết nhám cũng nhận là do thân-thức biến-biến; ngoài thân-thức ra thì không có cảm-giác, mà ngoài cảm-giác ra thì không có gì đáng gọi là thân là cảnh; lại chúng ta thấy những việc đáng mừng, những việc đáng lo, những sự đáng vui, những sự đáng giận, cho đến phân biệt thể này là thân, thể này là cảnh, các pháp như vậy đều do ý-thức biến-hiện.

Vì như chúng ta thấy cái sắc đẹp mà ưa thì chúng ta phải quan-sát cái sắc là do nhãn-thức biến-biến, cái đẹp là do ý-thức biến hiện, trừ sự biến hiện của thức-tâm ra, thiệt không có gì đáng gọi là sắc, đẹp. Khi chúng ta nghe tiếng chưởi mắng mà giận thì chúng ta nên xét các tiếng là do nhĩ-thức biến-hiện phân biệt là tiếng chưởi mắng là do ý-thức biến hiện, trừ thức-tâm ra không có gì đáng gọi là tiếng chưởi mắng. Chúng ta cứ xét như vậy thì rõ ràng vạn sự vạn vật chỉ là thức-tâm; vạn sự vạn vật đã là thức-tâm thì còn cái gì đáng thân, đáng sợ, còn cái gì đáng ưa đáng giận, cho đến cũng không còn cái gì đáng gọi là thân là cảnh, cũng không còn có cái gì đáng gọi là mình là kẻ khác. Chúng ta hằng ngày quan-sát như vậy mới đoạn trừ được cái tập-quán cố-chấp có thiệt-ngã, thiệt-vật từ mô mô đến giờ và mới dứt sạch cái nguồn gốc tham, sân, si, tức là cái nguồn gốc đã phát sinh ra vô-lượng khổ-não cho nhơn-loại. Lại vì muốn sự muốn vật đều do thức-tâm biến-hiện nên chúng ta không phân biệt mình với kẻ khác và phát ra cái nguyện rộng lớn đem chánh-pháp mà truyền-bá giữa đời để cho chúng sanh đều dứt trừ tham, sân, si và hưởng được sự hoàn-toàn hạnh-phúc.

IV. — Kết-luận

Nói tóm lại, nhơn-loại khổ-sở là vì tham, sân, si; nguồn

gốc tham, sân, si là sự cố-chấp có thiệt-ngã thiệt vật. Muốn đoạn trừ sự cố-chấp ấy thì phải tu tập, quán-sát vạn pháp duy thức. Quán được vạn pháp duy-thức rồi mới trừ được lòng cố-chấp có thiệt-ngã thiệt vật, mới trừ được lòng tham, sân, si và mới giải-thoát ra ngoài các sự khổ não.

Vậy phép quán duy-thức là một con đường hạnh-phúc độc nhất vô nhị của nhơn-loại.

THÍCH-ĐÔN-HẬU





PHẬT PHÁP ĐỐI VỚI THƯƠNG-NGHIỆP

Người Phật-tử nói việc buôn bán, mới nghe qua ai cũng phải lạ tai, vì sao ? Vì xưa nay trong trí người xứ ta ai cũng cho đạo Phật là đạo yếm thế, nói đến chuyện Phật-pháp tức là chuyện tu hành, hoặc người tại-gia thì việc lên chùa lạy Phật, nay bỗng có người xướng xuất rằng : Phật-pháp chính ở trong chốn thị trường, trong chỗ cạnh-tranh hàng ngày, nói rộng nữa là trong chỗ lừa lọc nhau, tranh danh mỗi lợi mỗi danh, thì bảo ai là người không lạ tai choáng mắt ?

Vâng, lạ tai thật, song kinh Phật có câu : « Phật-pháp bất ly thế-gian giác » nghĩa là Phật-pháp không ngoài các việc thế-gian, bởi không ngoài các việc thế-gian cho nên dù làm việc buôn bán, việc cày cấy, việc công nghệ, cho chí việc công danh học hành không có việc chi là không hiệp với Phật-pháp.

Nói như vậy chắc có người hỏi : Phật-pháp là gì mà lại xen vào tất cả việc thế-gian ? Xin thưa qua nghĩa hai chữ Phật-pháp như sau này :

Phật nghĩa đen là giác, giác tức là biết, biết một cách rõ ràng không mê muội, biết một cách chánh đáng không thiên chấp ; nghĩa chữ Phật tức cũng như nghĩa chữ

Chánh bên nhà Nho mà lại còn rộng nghĩa hơn nữa, là vì không những không làm hại đến người mà thôi, trái lại còn giúp cho người nữa ; còn chữ Pháp tức nghĩa là quý tri, nghĩa là giữ gìn khuôn phép của mỗi việc.

Lắp lại cả hai chữ, nếu ta làm theo Phật-pháp tức là làm việc gì cũng giữ chỗ chánh đáng không quá thiên chấp mê mang. Phật-pháp đã là chánh đáng không thiên-chấp mê mang, thì phạm ai làm bất câu việc gì mà hiệp với mục-dịch chánh-dáng không mê mang đều gọi là thực hành Phật-pháp được cả.

Nói đến đây chắc các ngài đã rõ không có việc gì trong thế-gian mà không hiệp với Phật-pháp, không có hạng người nào là không hành Phật-sự được, miễn là nơi chỗ dụng tâm của mỗi người khi ra làm một việc mà chánh đáng, không thiên về lối lợi riêng một mình mình, thời người đó dù chưa từng biết Phật mà cũng đã hành Phật-sự làm đệ-tử đức Thích-Ca rồi đó vậy.

Nay ta đã rõ từ-dân đều thực hành theo Phật-pháp được, vậy bài hôm nay tôi xin bàn riêng về Phật-pháp đối với nghề buôn bán, là vì nghề buôn là một nghề khó giữ lòng chân thiết, lợi người, mà trái lại trọn ngày phải buộc mình lằng vào chỗ đối trá lừa lọc nhau mới mong thành tựu.

Cái nghề đã éo le như vậy, kẻ có đạo tâm cũng phải đệ-tử Phật làm vào trong nghề ấy phải làm thế nào mới hiệp với chánh-pháp ? Đây là một vấn-đề khó giải quyết, cần phải cùng nhau chung sức kinh nghiệm, vạch một con đường chơn-chánh mà dắt nhau đi, thời trên đối với Phật-tổ mới khỏi phụ ơn ngài, mà dưới đối với quần-chúng mới mong khỏi tội lỗi.

Người đi buôn có hai phận sự :

I/ Phận sự đối với mình,

II/ Phận sự đối với người bán hàng.

I/ Phận sự đối với mình. — Tức là những việc làm có lợi cho mình, cho nghề buôn mình, thí dụ như mình

Buôn một vật gì mình nên tìm chỗ mua cho được rẻ, chỗ bán cho được nhiều người hoan-ngênh, làm sao cho thứ hàng ấy mỗi ngày một tốt thêm, ấy là các việc nên làm, còn trái lại, nếu tìm cách lừa dối bạn hàng, hoặc tìm cách phá giá hàng của bạn đồng nghiệp thì không nên, vì sao? Vì nếu mình phá giá hàng thì chẳng những bạn đồng-nghiệp bị thiệt hại mà chính mình cũng bị thiệt hại theo, vì thứ hàng mất giá ; mà chẳng những thiệt hại cho nhà buôn mà thôi, chính hại lây đến nhà chế tạo thứ hàng ấy. Nói như vậy chắc có người hỏi nếu như không phá giá nhiều người bán thứ ấy thì ai mua của mình ? Xin thưa rằng, mình cứ tìm cách làm cho thứ hàng mình tốt hơn trước và tìm bán những chỗ nào mà chưa có bạn đồng-nghiệp khoách trương tới nơi, thời tất hàng mình phải chạy. Lại có người hỏi nếu như nhiều người bắt chước mà bán thứ hàng ấy nhiều quá thì làm thế nào ? Nếu đã quá nhiều thứ ấy thì ta cứ tìm bán thứ khác, tìm được thứ mới chắc thiên-hạ hoan-ngênh. Vả lại trí-thức của người là kho vô tận mà sản vật sản xuất cũng vô cùng, nếu trí ta cứ mở mang tìm kiếm hoài thì có khi nào hết được.

Làm như thế có mấy điều lợi như này :

- 1/ là lợi được lòng tin-nhiệm bạn hàng,
- 2/ là lợi được lòng yêu mến của bạn đồng-nghiệp,
- 3/ là lợi cho các nhà chế-tạo.

Bạn hàng vào một mà buôn mà quyết chắc nhà buôn ấy thật thà không dối trá, thì lòng tin ấy đủ làm giàu cho nhà buôn rồi, vì một đời chỉ mua đó thôi.

Hai là lợi được bạn đồng nghiệp yêu mến, tục đời đã nói một trăm người bán, một vạn người mua, nhà buôn thì dụ như nhà thầy thuốc, nhà nào cũng có khách chủ của nhà ấy, nếu bạn đồng nghiệp yêu mến nhau thì khi người bạn hàng mua thiếu món nào ắt họ sẽ chỉ cho bạn hàng mua ở chỗ mình bán. Bởi vậy cho nên các nước văn-minh họ đặc cách Syndicat (Hội liên hiệp) là để giữ quyền lợi cho nhau, quyết không phá nhau về việc lợi nhỏ là vậy.

Bà là được lòng các nhà công-nghệ, vì nếu hàng không bị phá giá tức các nhà công nghệ được giữ món hàng tốt mà không làm xấu các thứ hàng, ấy là được người dùng tin cậy mà ưng mua các thứ đó, công-nghệ nhờ đó mới mong khoách-trương mỗi ngày mỗi tinh xảo tốt đẹp.

II. — Phận sự đối với bạn hàng. — Nhà buôn đối với người bạn hàng cần phải giữ lòng chơn thật, ngoài sự lợi buôn chín bán mười là cái quyền lợi của mình, vì mình mất công tìm kiếm món hàng lại bỏ vốn ra mua, chực sẵn cho người mua về dùng, thời cái công mình tức phải lấy lợi mới mong cho cửa hàng đứng vững ngoài mỗi lợi nhất định ấy, nhà buôn cần phải giữ mấy điều sau này:

- 1/ là lòng chơn-thật đối với bạn hàng.
- 2/ là tìm cách lợi cho bạn hàng.
- 3/ là tìm cách mình và người đều lợi.

Khoản thứ nhất, sự chơn-thật tức là theo thời-giá mà buôn bán chớ không lường gạt ai, xấu nói xấu thì bán hạ, tốt nói tốt thì bán cao, dù người mua không biết lựa mua cũng chớ nên lừa người, phải giữ lòng chân thành với bạn hàng như là anh em chớ đừng nên thấy người ngờ ngác mà lường gạt, họ bị gạt một lần thì khó trông trở lại mua nữa. Nếu nhà buôn giữ được lòng chân thật, một người đồn trăm, trăm đồn ngàn, dù sai con nít, người khờ đi mua cũng không sợ gian dối. Được như vậy thì nhà buôn hóa ra một nhà giao dịch tin cậy của mọi người, ai lại không vui mà tới.

Khoản thứ hai là : Tìm lợi cho bạn hàng. Khoản này có hơi khó, song không phải là không làm được, thí dụ như người mua thứ hàng gì, mình nên hỏi họ mua dùng về việc gì, rồi mình nên tìm các thứ hàng bán của mình thứ nào hơn mình sẽ bán. Lại như bán với họ thứ này dùng việc kia cần xứng hoặc không bền chắc, làm như vậy tuy có mất thì giờ của người bán, song sẽ được người bạn hàng một lòng tin cậy bàn bạc với chủ hàng luôn luôn.

Khoản ba là: Tìm cách mình, người đều lợi. Khoản này tuy khó mà dễ, vì mình đã xem người bạn hàng như người quen biết thì sự gì đáng hại cho họ mình quyết không làm, dù việc ấy có lợi cho mình cũng bỏ. Phải làm cách nào đều lợi cả hai, nghĩa là họ cũng được vừa ý mà mình cũng được lợi. Vậy cho nên trong lúc đi buôn sỡ, các nhà buôn phải cẩn thận lựa chọn, chớ vì sự lợi nhỏ mà làm hại bạn hàng.

Nói tóm lại, hai phận sự đối với mình và đối với người của nhà buôn đều phải nên cân nhắc, làm sao cho tự tha đều lưỡng lợi mà tin cậy nhau, khỏi sự bóc lột, lừa gạt, tranh nhau, ấy là nhà buôn ấy đã giữ được phận sự một người buôn chơn-chánh, có đạo-tâm, không vì lợi mà quên người như vậy cũng có thể gọi là người Phật-tử giữ được phần không làm hại người vậy.

Nếu người nào tâm lượng còn rộng rãi hơn nữa, mà ưa việc bố-thi cúng dường, giúp các cơ-quan duy-tri đạo-đức, thời lại càng quý biết bao nhiêu. Vì sao? Vì các người đó đã hiểu thấu sự buôn may bán đắt là do phước báo để dành, nay đến thời may, họ không quên người cực khổ mà bán rẻ cho kẻ nghèo, hoặc cung cấp giúp giùm cơ-quan duy-tri đạo-đức phước thiện. Người tâm lượng được như vậy mỗi khi gặp sự may mắn, lại nhớ đến người rủi ro mà hết lòng giúp đỡ người mà đã giàu lòng từ-thiện, thiên hạ ai lại không hoan nghinh yêu quý, người người đều yêu quý thì ai lại không gắng mua giúp các người từ-thiện kia? Mình thương người, người giúp mình, ấy là mục-dịch từ-bi bác ái của Phật đã thực-hành trong chốn thương-trường và đã trừ tuyệt hết cả các nạn giả dối, lường gạt, phỉnh phờ nhau vì mỗi lợi rất nhỏ vậy.

Ai là bạn thương-nghiep?

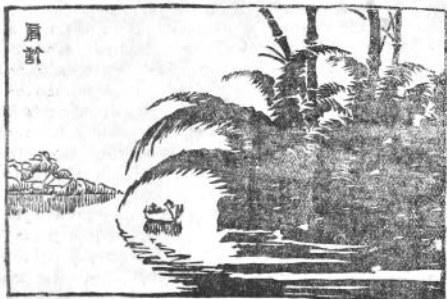
Ai là đệ-tử Phật trong thương-trường, nên xét kỹ chỗ lợi toàn thể lợi lâu giải mà thực hành Phật-pháp trong nghề buôn của mình. Nếu đạo-tâm của các người buôn mà chắc chắn rồi thì ai lại không tin, có tin nhau mới mong làm các

sở to tát, chừng đó mới mong lập hội hè mà khoáng-trương các việc to lớn như các nước văn-minh kia vậy.

Lòng lợi-tha người Việt-Nam ta không hiếm, song vì các nhà buôn chưa mấy nhà đủ cho công-chúng tín-nhiệm, nên sự sự đều không thành, ai là người đạo-tâm nên sớm tỉnh mà lo bồi-bổ chỗ khuyết-diểm ấy lại.

Mong lắm thay.

Đ. K.





Ý-KIỆN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC

MIỀ-TÍN và CHÁNH-TÍN

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

Có người tuy không tin thuyết nhứt-thần mà lại tin thuyết nhứt-nhơn, như Số-luận-sư tin muốn sự muốn vật đều do mình tánh tạo thành, đạo Nho thì tin muốn sự muốn vật đều do Thái-Cực sanh khởi; những thuyết nhứt-nhơn ấy cũng không thể đứng vững, vì chưa hề thấy một cái nhơn nào, bỗng nhiên sanh ra quả bao giờ. Lại cái nhơn ấy là nước hay là lửa, là người hay là vật, là lành hay là dữ. Nếu là dữ thì không thể sanh ra người lành, nếu là nước thì không thể sanh ra lửa, làm thế nào mà dung hòa với nhau choặng. Đối với toàn thể tin đồ về phái nhứt-thần và phái nhứt-nhơn, tôi rất trông mong cho họ đừng tin nhứt-thần là một đấng cầm quyền cai trị vạn vật, đừng tin nhứt-nhơn là một cái sáng tạo vạn vật và tin rằng nhứt-thần, nhứt-nhơn tức là một lý-tướng đại-biêu cho nhứt-chơn pháp-giới, tức là cái tánh rất hoàn toàn, rất bình đẳng của vạn sự vạn vật, tánh ấy thường công bằng theo nhơn quả mà biện ra muốn sự muốn vật, nghĩa là người làm lành thì gặp việc lành, người làm dữ thì gặp ác báo, cái tánh ấy chẳng riêng ai, chính toàn thể nhơn loại cho đến toàn thể vũ trụ đều có, chỉ vì nhơn loại quá mê man theo vật dục, làm cái nhơn mê lầm chịu cái quả mê lầm nên không thể nhận được cái tánh hoàn toàn ấy và đi vào con đường trí huệ hoàn toàn đó thôi. Vậy những tin đồ phái

này cần nhứt phải cải cách những điều mê lầm nơi tâm mình, mà tin lý - tưởng như vậy để cho tự tâm mỗi ngày một sáng suốt. Trái lại, nếu tin có một vị có oai quyền thiêng liêng thì chỉ đem nhơn loại về cái tánh ỷ - lại, cầu cạnh, nghĩa là thờ lạy vị ấy thì vị ấy sẽ thương, đem về Thiên-đường, không cầu lạy thì vị ấy sẽ nhốt vào Địa-ngục; những lý-thuyết như vậy chỉ có thể hóa được những người mê muội như những bậc trí thức thì không khi nào chịu khuất phục dưới một cái thuyết bất-bình-dẳng như vậy.

Ngoài các thần giáo, lại có nhiều người tin về lý-số, về sao hạn v. v. Cái thuyết này phát sanh ra vì lắm người thấy cái nhơn quả rủi may hiện tiền, như lắm khi người ít học mà làm quan to người vụng về mà trở nên giàu có, không chịu suy xét cho rõ nguồn gốc, nên hoặc tin nơi lý-số, hoặc tin nơi sao hạn. Tin nơi lý-số là tin nơi giờ sanh tháng đẻ, hễ ngày tốt, giờ tốt thì chắc được giàu sang trường thọ. Vẫn biết mỗi người sanh ra đã đeo cái nghiệp báo của các đời trước theo hoặc khi được sanh vào nơi các nhà giàu sang, hoặc khi phải sanh vào trong các nhà cực khổ, hoặc khi có tánh thông minh siêng năng, hoặc khi có tánh ngu dốt, lười biếng, chẳng phải ai cũng như ai; song những cái đó đều là quả-báo của nghiệp quá khứ. Quả-báo đó không phải nhứt định, vì nó có thể thay đổi bởi các nghiệp nhơn hiện tại. Ví như có người vì nghiệp-báo phước thiện đời trước được sanh trong một nhà giàu sang, lại tánh có sẵn thông minh, cần mẫn, người ấy nếu không ỷ lại sai chạy thì quyết định sẽ được quyền cao chức cả. Trái lại, nếu người ấy ỷ mình giàu sang, không chịu học tập, đem cái thông minh cần mẫn dùng về những lối hoa tường liễu ngỗ, cờ bạc rượu chè, thì chẳng những không thể làm nên việc gì mà lắm khi lại phải hư gia bại sản, trở nên người cực khổ, vì vậy nên chính các nhà lý-số cũng có câu: “Số bất cập đức” — Đã cho rằng “Số bất cập đức” thì số mạng không phải nhứt định; số mạng đã không nhứt định thì bất cứ địa vị nào ai ai cũng nên tu nhơn tích đức, làm việc phải làm việc lành, thì cái rủi cũng có thể hóa ra may, việc dữ cũng có thể hóa ra lành được.

Lại, lắm người tin về sao hạn tin về sự rủi sự may và cho rằng sự rủi sự may đều do các sao hạn, đều do các ngày giờ xấu tốt mà ra cả; nhưng chúng ta thường thấy những người không tin sao hạn mà lắm khi gặp đều may, những người tin sao hạn mà lắm khi cũng mắc chuyện rủi; lại đồng một sao hạn đồng một ngày giờ mà lắm khi người gặp may kẻ gặp rủi vẫn không nhất định, nhưng đã có tin thì sanh ra lòng sợ hãi, cái lòng sợ hãi đó lắm khi làm cho chúng ta gặp sự rủi ro vạy.

Chúng ta thử xét, hề có nhơn thì có quả, chớ chưa hề có những ai không học mà đậu Tấn-sĩ; vậy chúng ta cứ hằng ngày gắng làm những việc phước thiện, nhơn đã lành thì quả phải lành không cần gì phải sợ hãi.

Nói tóm lại, tôi xin khuyên các bạn tín-dồ của các thuyết như trên, hay gắng mà nhận rõ, mà suy xét chỗ thiệt chỗ hư, chỗ phải chỗ chẳng, để cùng nhau tìm con đường chơn chánh mà tự mình noi theo, hầu mong dứt hẳn tâm trí mình lên đến chỗ cực điểm. Con đường chơn chánh đó là chánh đạo, là chánh lý. Chánh đạo thì đưa tâm trí đến chỗ toàn thiện toàn mỹ, chánh lý thì công bằng đứng đắn không thiên vị một nơi nào. Đối với nhơn loại, chánh đạo, chánh lý là cái đạo-lý có thể đưa nhơn-loại đến cái mục-dịch duy-nhất của sự sanh tồn, là cái mục-dịch toàn hạnh-phúc, Phạm lý thuyết gì, sự-tưởng gì có thể đưa nhơn loại lên một vài bước trên con đường hoàn toàn hạnh-phúc đều là những phần-tử của đạo-lý chơn-chánh cả. Xem như vậy thì biết cái đạo - lý chơn chánh ấy bao-hàm rất nhiều sự - lý, không thiên một mặt nào và thuyết nào. Chính trong 3 cái thuyết, tôi vừa nói trên kia mà ở trong mỗi thuyết cũng có một phần mê-tin và một phần chánh tin. Vì như những người mất mùa nếu chỉ lo vãi lạy ông thần lúa mà không lo cấy sắn cuốc bằm, phân tro vun quén, làm cỏ đập nước thì khó bề được nó ấm. Những người bị nhà cháy, cứ lo cúng bà Hỏa-tinh thần - nữ mà không lo xét rõ duyên cớ thì khó bề tránh khỏi nhà cháy; những người đau ốm mà chỉ lo vãi cây này cúng miếu kia thì khó bề lành bệnh, những lối tin như vậy làm cho nhơn

loại thêm đau khổ, sợ hãi khiếp nhược.

Trái lại, nếu sống bởi những bức chánh - nhưn quân-tử để làm gương cho nhưn-loại soi chung để làm những việc công bằng chánh-trực thì lối tin như vậy rất có bổ ích cho thể - đạo nhưn - tâm, làm cho người đời biết làm việc phải, tránh đều quấy, có thể bước lần đến chỗ hạnh-phúc hoàn-toàn thì gọi là chánh-tin. Lại như về nhứt-thần-giáo, nếu làm cho loài người khiếp sợ oai quyền thêm lòng ỷ lại hoặc phải gây nên cái nạn chiến tranh trái với sự hoàn toàn hạnh phúc của nhưn loại thì gọi là mê-tin.

Còn như các thuyết nhứt nhưn, hoặc cho sự chuyển biến là lẽ tự nhiên không có nhưn quả; hoặc cho rằng phải trở lại mình sợ không hay không biết nữa, mới là hiệp đạo, thì những thuyết đó làm cho nhưn loại ngã lòng không chịu tu-tập, về sau phải chịu lắm đau khổ, trái với sự hoàn toàn hạnh phúc, nên gọi là mê-tin.

Trái lại nếu tin nơi chỗ thuyết nhứt thần hoặc nhứt nhưn loại là đồng thể, đồng tánh, xem thân mình như thân của loài không sát hại sanh linh; làm các việc phước thiện thì tin như vậy là đã bước một bước khá dài trên con đường hoàn toàn hạnh-phúc và có thể gọi là chánh tin.

Lại như tin thuyết số-mạng mà chỉ biết tìm thầy coi số để rõ số mạng: tốt xấu, lúc rủi lúc may làm tăng trưởng lòng kiêu mạn khi được ngày giờ tốt, làm tăng trưởng lòng e sợ khi gặp vận hạn xấu thì gọi là mê-tin. Trái lại nếu tin nơi nghiệp - nhưn, số mạng của mình an phận tri túc, làm các việc lành để hưởng quả phúc về sau thì gọi là chánh tin. Còn như tin nơi sao hạn mà chỉ lo cầu vãi cúng cấp mà không lo tu nhưn tích đức thì gọi là mê-tin. Trái lại nếu biết giữa đời khi rủi khi may vô thường thay đổi mà quyết chí tu tập cho đến chỗ thường trú an vui thì gọi là chánh-tin. Xét như vậy thì biết cái đạo lý chơn chánh không ra ngoài các việc giữa đời và các thuyết đã lập ra miễn làm thế nào cho tâm trí loài người tiến hóa lần lần đến chỗ hoàn toàn hạnh phúc thì có thể gọi là chánh tin.

Sống thế nào mới đáng gọi là hoàn toàn hạnh phúc ?

Xét trong nhơn loại, bốn đều trái với hạnh phúc là :

- 1°) Các sự lo buồn đau khổ,
- 2°) Các sự biến diệt vô thường,
- 3°) Các sự ràng buộc chương ngại
- 4°) Các sự ô nhiễm mê lầm,

Vậy cái hoàn toàn hạnh phúc đức là cái hạnh phúc đầy đủ làm cho chỉ có an vui không có sự lo buồn đau khổ, chỉ có thường trú chứ không có những sự biến diệt vô thường, chỉ có tự tại chứ không có những sự ràng buộc chương ngại chỉ có thanh-tịnh sáng suốt chứ không có những nhiễm ô mê lầm.

Muốn được cái hoàn toàn hạnh phúc như vậy chúng ta cần phải xét rõ cái nguyên nhơn của sự đau khổ, những sự vô thường những sự ràng buộc, những sự nhiễm ô dấy dừ trứ lần lần cho hết sạch, (tôi mới chắc chắn dặng an vui, dặng thường trú, dặng tự tại, dặng thanh-tịnh. Các bậc được hoàn toàn hạnh phúc như trên đã nói, được giải thoát an vui bình đẳng là ai? tức là các Đức Phật. Phật đã được hoàn toàn hạnh phúc, thấy chúng ta còn bị đau khổ ở đời, động lòng từ bi nên trở lại làm thân người để dạy vẽ chúng ta những phương pháp cho được hoàn toàn hạnh phúc. Vậy chúng ta muốn biết nguyên nhơn của sự khổ não, của sự vô thường, của sự ràng buộc, của sự nhiễm ô thì chúng ta cần phải tu học Phật-pháp, xiu bà con gắng công nghiên-cứu mới rõ giáo-lý. Chúng ta muốn biết các phương pháp dứt trừ các nguyên nhơn ấy thì chúng ta cũng cần phải tham-học Phật-pháp, chúng ta cũng cần phải tham-học Phật-pháp, chúng ta tham-học Phật-pháp biết rõ đường tu rồi thì chúng ta cần phải thiết thiết tu hành theo những phương pháp Phật đã dạy ta thì về sau mới chắc được hoàn toàn giải thoát như Phật. Trong các pháp môn tu trì của đạo Phật duy có pháp môn niệm Phật là dễ học dễ tu hơn cả. Chư Phật ví như bà mẹ lành, chúng sanh ví như con cái; mẹ thương nhớ tưởng đến con song nếu con cứ chơi bời lêu lổng không nhớ tưởng đến mẹ thì mẹ con khó bề tụ hội. Trái lại nếu làm con nhớ mẹ như mẹ nhớ con,

thì dẫu xa cách đến đâu, mẹ con cũng có ngày đoàn tụ. Các đức Phật từ bi rộng lớn, thường thương xót chúng sanh, nếu chúng sanh chuyên lòng tưởng Phật niệm Phật thì quyết định có ngày gặp Phật; mà đã gặp được Phật thì nhờ Phật dạy bảo, quyết định có ngày cũng được hoàn toàn hạnh phúc như Phật.

Kết luận bài này, tôi rất mong chị em ai là người chưa phải là đệ-tử Phật nên bình tâm suy nghiệm cho chín chắn rõ ràng. Dù ở vào địa vị tôn giáo nào cũng nên chuyên tâm nghiên cứu cho rõ ràng sự tin tưởng, chỗ lợi hại của mình mà làm theo, thời dù tuy chị em không lên chùa lạy Phật mà chị em cũng là Phật tử tại tâm, và dù ở vào địa vị nào chị em cũng có thể thực hành theo chánh lý của Phật vậy.

Ai là bạn phụ nữ tri thức !!

Ai là kẻ tin đồ chánh lý nên kỹ mà thực hành để làm gương cho chị em sau này khỏi sai đường lạc nẻo.

A Di Đà Phật

D. K.





ĐẠI Ý KINH

THỦ LĂNG NGHIÊM

Phật chỉ bản-tánh của thập-bát-giới là giả
dối, thiết ra là tán : diệu-chơn-như
của Như-Lai-tạng

Về đoạn này Phật chỉ bản-tánh của thập bát giới là tánh
diệu-chơn-như của Như-lai tạng.

Trong thế gian, nơi mỗi mỗi căn-môn đều chia ra căn,
trần và thức : căn là cái năng-giác, trần là cái sở-giác, còn
thức là cái phân-biệt, in tưởng có giới hạn rõ ràng nên gọi
18 món như vậy là thập bát giới.

Lại giới có nghĩa là nhơn-giới, tức là cái khuôn vực làm
cái nhơn sanh ra các món ấy.

Thập bát giới :

- 1) Nhân-căn,
- 2) Nhĩ-căn,
- 3) Tĩ-căn,
- 4) Thiết-căn,
- 5) Thân-căn,
- 6) Ý-căn,
- 7) Sắc-trần,
- 8) Thanh-trần,
- 9) Hương-trần,
- 10) Vị-trần,
- 11) Xúc-trần,
- 12) Pháp-trần,

13) Nhân-thức,

14) Nhĩ thức

15) Tì-thức,

16) Thiệt-thức,

17) Thân-thức,

18) Ý-thức.

Mười tám giới ấy in tường mỗi phần khác nhau, nhưng thật ra thì không phải thế.

Như nói nhân-căn và sắc-trần làm cái duyên sanh ra nhân-thức thì cái nhân-thức ấy là do nhân-căn sanh ra hay là do sắc-trần sanh ra. Như nói chỉ một mình nhân-căn sanh ra thì nếu không có các món sắc-không, cái nhân-căn sanh ra những thức đề dùng về việc gì; lại đã không có sắc không thì còn biết cái gì là nhân-căn, vậy mới nương vào đâu mà lập thành giới hạn. Lại Sắc không phải Không, Không không phải Sắc, nếu do Sắc sanh ra thì không thể biết thế nào là Không, nếu do Không sanh ra thì không thể biết thế nào là Sắc. Lại như khi các sắc-tướng biến đổi, cái thức cũng biến đổi theo, thì nương vào đâu mà lập thành giới-hạn; còn như cái thức không biến đổi thì sắc-tướng có là có, sắc-tướng không là không, lẽ không thể biết hư-không là gì; mà đã không biết hư-không thì cũng không thể biết thế nào là Sắc; đã không biết Sắc, cũng không biết Không thì nương vào đâu mà gọi là nhân-thức.

Còn như nói nhân-căn và sắc-trần chung cùng sanh ra nhân-thức, thì nhân-căn là về phần có biết, sắc-trần là về phần không biết; vậy đã có cái thức chặn giữa tất nhiên hai bên lẽ phải rời nhau; mà nói là rời nhau thì căn không rời trần, trần không rời căn, hai bên không thể không hòa hiệp. Lại nhân-căn là cái có biết chỉ sanh ra được cái có biết; sắc-trần là cái không biết chỉ sanh ra được cái không biết, vậy cái thức do hai cái chung cùng sanh ra phải chia ra hai phần, một phần có biết, một phần không biết. Lại một bên có biết một bên không biết, cái thức đứng ở chặn giữa không phải về bên có biết, không phải về bên không biết, thời thành ra cái gì. Lại như cái thức chia ra hai phần, thì bên có biết thuộc

về căn, bên không biết thuộc về cảnh, còn có cái gì đáng gọi là thức. Còn như nói cái biết và cái không biết lộn lạo cùng nhau mà hóa ra cái thức, thì cái thức như vậy còn gọi là gì được nữa; xét như vậy thì biết cả ba giới: nhân-căn, sắc-trần và nhân-thức đều là giả dối, thiệt ra chỉ là Như-lai-tạng-tánh.

Lại như nói nhĩ-căn và thanh-trần làm cái duyên sanh ra nhĩ-thức, thì cái thức ấy do nhĩ-căn sanh ra hay do thanh-trần sanh ra; như nói do nhĩ-căn sanh ra thì đã không có hai tướng đồng tịnh, nhĩ-căn còn không biết gì, làm sao sanh được nhĩ-thức; còn phủ-trần-căn chỉ là một cục thịt làm sao sanh ra được nhĩ-thức?

Còn như do thanh-trần sanh ra thì không cần thiệp gì đến nhĩ-căn; đã không có nhĩ-căn thì còn không thể gọi cái gì là thanh-trần, biết lấy gì mà sanh ra nhĩ-thức; dầu cho nói rằng nhĩ-căn sanh ra thanh-trần, thanh-trần sanh ra nhĩ-thức, thì nhĩ-thức về phần sở-văn; nhĩ-thức đã về phần sở-văn thì biết đem cái gì làm năng-văn mà nghe được cái thức. Lại thanh-trần là không biết, nhĩ-căn là có biết, không lẽ xen lộn làm cái nhĩ-thức chặn giữa được; chính cái chặn giữa đã không thành lập thời nương vào đâu mà gọi là trong, là ngoài; thế thì biết nội-căn cũng không, ngoại-trần cũng không, thức-trung-giới cũng không; cả ba giới nhĩ-căn, thanh-trần và nhĩ-thức đều là giả dối, thiệt ra chỉ là Như-lai-tạng-tánh.

Lại như nói tĩ-căn và hương-trần làm cái duyên sanh ra tĩ-thức, thì cái thức ấy do hương-trần sanh ra hay do tĩ-thức sanh ra; như nói do phủ-trần tĩ-căn sanh ra thì phủ-trần tĩ-căn là một cục thịt thuộc về thân-thể, chỉ biết xúc, không biết hương, làm sao sanh được tĩ-thức. Còn như nói do tánh ngữi biết sanh ra, thì nơi lỗ mũi cái chi là cái ngữi biết; như nói là phần nhục-chất thì nhục-chất chỉ biết xúc chớ đâu có biết hương; như nói về phần hư-không thì hư-không tự biết mùi hương, nào dính gì đến mình mà gọi là tĩ-căn, tĩ-thức; còn như hư-không là mình thì hiện cái thân này là ai đó nữa. Còn như nói cái biết thuộc về hương-trần, thì cái hương-trần tự biết, không cần thiệp gì đến mình cả.

Lại như nói các mùi thơm thúi do tĩ-căn sanh ra thì tất nhiên nó không phải do nơi các vật y-lan và chiên-dân; vậy khi không có hai vật ấy, thử ngửi cái lỗ mũi là thơm hay là thúi; nếu lỗ mũi là thúi thì còn biết cái gì là thơm, nếu lỗ mũi là thơm thì còn biết cái gì là thúi; nếu có cả mùi thơm, cả mùi thúi, thì hóa thành hai người, một người có lỗ mũi thơm, một người có lỗ mũi thúi; còn như nếu chỉ có một tĩ-căn thì mùi thơm mùi thúi là một, mùi thúi đã là thơm, mùi thơm đã là thúi thì không có thơm thúi; đã không có thơm thúi thì nung vào đầu mà lập ra tĩ-thức.

Còn như nói tĩ-thức do hương-trần sanh ra thì cái thức ấy không thể phân biệt được hương-trần, cũng như như con mắt mà có thấy thì cái thấy không thể thấy được con mắt; tĩ-thức đã biết được hương-trần thì không phải do hương-trần sanh ra, còn nếu không biết được hương-trần thì không thể gọi là thức; lại nếu không có cái gì biết có hương thì không thành lập được hương-trần-giới; còn nếu cái thức mà không biết được hương thì không thể gọi là tĩ-thức.

Cái trung-giới tĩ-thức đã không thành-lập được thì nung vào đầu mà gọi là nội-căn, mà gọi là ngoại-trần. Xét như vậy thì biết ba cái giới tĩ-căn, hương-trần và tĩ-thức đều là giả-dối, thiệt ra chỉ là tánh diệu-chơn-như của Như-lai-tạng.

(còn nữa)

VIÊN ÂM



經

首楞嚴經

續

阿難，又汝所明：舌味爲緣生於舌識；此識爲復因舌所生，以舌爲界；因味所生以味爲界。阿難，若因舌生，則諸世間甘蔗、烏梅、黃連、石鹽、細辛、薑桂都無有味。汝自嘗舌爲甜爲苦？若舌性苦，誰來嘗舌？舌不自嘗，孰爲知覺？舌性非苦，味自不生。云何立界？

若因味生，識自爲味，同於舌根，應不自嘗。云何識知是味非味？又一切味非一物生；味既多生，識應多體。識體若一，體必味生，鹹淡甘辛和合俱生，諸變異相同爲一味，應無分別；分別既無，則不各識。云何復各舌味識界？不應虛空生汝心識？舌味和合，卽於是中元無自性。云何界生？是故當知舌味爲緣生舌識界，三處都無，則舌

與味及舌界三本非因緣非自然性。

阿難又汝所明：身觸爲緣生於身識；此識爲復因身所生，以身爲界，因觸所生，以觸爲界。阿難，若因身生，必無合離二覺觀緣，身何所識？若因觸生，必無汝身，誰有非身知合離者？

阿難，物不觸知，身知有觸；知身卽觸，知觸卽身，卽觸非身，卽身非觸，身觸二相元無處所；合身卽爲身，自體性離身卽是虛空等相。內外不成，中云何立；中不復立，內外性空；則汝識生，從誰立界？

是故當知身觸爲緣，生身識界，三處都無，則身與觸及身界三本非因緣，非自然性。

阿難又汝所明：意法爲緣，生於意識，此識爲復因意所生，以意爲界，因法所生，以法爲界。阿難，若因意生於汝意中，必有所思，發明汝意；若無前法，意無所生，離緣無形，識將何用？

又汝識心與諸思量兼了別性
爲同爲異？同意即意云何所生？
異意不同應無所識；若無所識云
何意生？若有所識云何識意？唯
同與異二性無成界云何立？

若因法生世間諸法不離五塵
汝覓色法及諸聲法香法味法；及
與觸法相狀分明以對五根非意
所攝。

若識決定依於法生今汝諦觀
法法何狀；若離色空動靜通塞
合離生滅越此諸相終無所得；
生則色空諸法等生滅則色空諸
法等滅；所因旣無因生有識作何
形相？相狀不有界云何生。

是故當知意法爲緣生意識界
三處都無則意與法及意界三本
非因緣非自然性。

(未完)



KINH DIỄN-ÂM

THỦ-LĂNG-NGHIÊM-KINH (SURAMGAMA) (TỤC)

A-Nan, hựu như sở minh thiết vị vi duyên, sanh ư thiết thức, thử thức vi phục nhơn thiết sở sanh dĩ thiết vị giới. A-Nan, nhưc nhơn thiết sanh tắc chư thế-gian cam giá ô-mai huỳnh-liên thạch-diêm tế-tán cương quế, đồ vô hữu vị, như tự thường thiết, vị cam vị khổ. Nhưc thiết tánh khổ, thùg lai thường thiết, thiết bất tự thường, thực vị tri giác. thiết tánh phi khổ, vị tư bất sanh, vân hà lập giới.

Nhưc nhơn vị sanh, thức tự vị vị, đồng ử thiết căn, ưng bất tự thường, vân hà thức tri thị vị phi vị. Hựu nhưt thế vị, phi nhưt vật sanh, vị ký đa sanh, thức ưng đa thể, thức thể nhưc nhưt, thể tất vị sanh, hàm đàm cam tán, hòa hiệp eu sanh, chư biết dị tướng, đồng vị nhưt vị, ưng vô phân biệt, phân biệt ký vô, tắc bất danh thức, vân hà phục danh thiết vị thức giới. Bất ưng hư không sanh nhưt tám thức. Tiệt vị hòa hợp, tức ư thị trung, nguyên vô tự tánh, vân hà giới sanh. Thị cố đương tri thiết vị vi duyên, sanh thiết thức giới, tam xứ đồ vô, tắc thiết dữ vị cập thiết giới tam, bốn phi nhơn duyên phi tự nhiên tánh.

A-nan, hựu như sở minh thân xúc vi duyên, sanh ư thân thức, thử thức vi phục nhơn thân sở sanh, dĩ thân vi giới, nhơn xúc sở sanh, dĩ xúc vi giới. A-nan nhưc nhơn thân

sanh, tất vô hiệp lý nhị giác quán duyên, thân hà sở thức. Nhược nhơn xúc sanh, tất vô như thân, thùy hữu phi thân tri hiệp lý dã.

A-Nan: vật bất xúc tri, thân tri hữu xúc, tri thân tức xúc, tri xúc tức thân, tức xúc phi thân, tức thân phi xúc, thân xúc nhị tướng nguyên vô xứ sở. Hiệp thân, tức vi thân tự thể tánh; lý thân, tức thị hư không đẳng tướng.

Nội ngoại bất thành, trung vân hà lập, trung bất phục lập, nội ngoại tánh không, tất như thức sanh, lung thùy lập giới. Thị cổ đương tri thân xúc vi duyên, sanh thân thức giới, tam xứ đó vô, tác thân dữ xúc cập thân giới, tam xứ đó vô, tác thân dữ xúc cập thân giới tam, bản phi nhưn duyên phi tự nhiên tánh.

A-Nan, hựu như sở minh, ý pháp vi duyên, sanh ư ý thức, thử thức vi phục nhưn ý sở sanh, dĩ ý vi giới. A-Van; Nhược nhơn ý sanh ư như ý trung, tất hữu sở tư, phát minh như ý, nhược vô liên pháp, ý vô sở sanh, lý duyên vô hình thức tương hà dụng.

Hựu như thức tâm, dữ chư tư-hương, kiêm liễu biệt tánh, vi đồng vị dĩ? đồng ý tức ý, vân hà sở sanh, dĩ ý bất đồng, ưng vô sở thức, nhược vô sở thức, vân hà ý sanh, nhược hữu sở thức, vân hà thức ý, duy đồng dữ dĩ, nhị tánh vô thành, giới vân hà lập, Nhược nhơn pháp sanh, thế-gian chủ pháp, bất lý ngũ trần, như quán sắc pháp, cập chư thanh pháp, hương pháp vi pháp, cập dữ xúc pháp, tướng trạng phản minh dĩ đối ngũ căn, phi ý sở nhiếp.

Như thức quyết định y ư pháp sanh, kim như để quán pháp pháp hà trạng, nhược lý sắc không động tịnh thông tắc hiệp lý sanh diệt, diệt thử chủ tướng, chung vô sở đắc. Sanh tắc sắc không chủ pháp đẳng sanh, diệt tắc sắc không chư pháp đẳng diệt, sở nhưn ký vô, nhưn sanh hữu thức tác hà hình tướng, tướng trạng bất hữu, giới vân hà sanh.

Thị cổ đương tri ý pháp vi duyên, sanh ý thức giới, tam xứ đó vô, tác ý dữ pháp, cập ý giới tam, bản phi nhưn duyên, phi tự nhiên tánh.

KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ-LANG-NGHIÊM (SURAMGAMA)

(TIẾP THEO)

A-Nan, như chỗ ông đã rõ; thiết-căn và vị-trần làm cái duyên sanh ra thiết-thức, cái thức ấy lại là nhưn thiết-căn sanh ra thì lấy thiết-căn làm giới-hạn, hay là nhưn vị-trần sanh ra thì lấy vị-trần làm giới-hạn. A-Nan, nếu nhưn thiết-căn sanh ra thì trong thế-gian những giống cam giá ô-mai, huỳnh-liên, thạch-diêm, tể-tân, cương-quế (1) đều không có vị, ông thử nếm cái thiết-căn ông là ngọt hay là đắng. Nếu tánh thiết-căn là đắng thì cái chi đến nếm cái vị của thiết-căn; thiết-căn đã không tự nếm vị mình được thì lấy cái chi mà biết vị. Nếu tánh thiết-căn không phải đắng thì tự mình không sanh ra được vị-trần, làm sao lập thành giới-hạn.

Còn như nếu thiết-thức nhưn vị-trần sanh ra, thì thiết-thức tự mình đã là vị, lẽ ra cũng đồng như thiết-căn không thể tự nếm vị mình được, làm sao còn biết được là vị hay là phi-vị. Lại hết thấy các vị chẳng phải do một vật sanh ra các vị đã do nhiều vật sanh ra thì cái thức kia lẽ phải thành ra nhiều thể. Còn như cái thức-thể là một và cái thể ấy chắc phải do vị-trần sanh ra, thì lẽ đáng những vị mặn lợ chua cay hòa hợp cùng nhau sanh ra các tướng sai khác, đồng là một vị, không có phân biệt; mà đã không phân biệt thì không kêu là thức, làm sao còn gọi được là thiết vị thức-giới. Cũng không lẽ cái hư-không sanh được tâm thức của ông. Còn như nói thiết-căn và vị-trần hòa-hiệp lại mà sanh, thì tức nơi cái chận giữa căn và trần đã không có tứ-tánh, làm

1.—Cam giá đồ ngọt, Thạch diêm: đồ mặn Ô mai : đồ chua Huỳnh liên đồ đắng, Tể-tân, Cương-quế : đồ cay.

sao thành được giới-hạn; vậy ông nên biết rằng nói thiết-căn và vị-trần làm cái duyên sanh ra thiết-thức-giới, ba chỗ ấy đều không và ba cái giới thiết-căn, vị-trần và thiết-thức vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự-nhiên.

A Nan, như chỗ ông rõ: thân-căn và thiết-trần làm duyên sanh ra thân-thức; ai thức ấy lại là nhơn thân-căn sanh ra thì lấy thân-căn làm giới-hạn, hay là nhơn xúc-trần sanh ra thì lấy xúc-trần làm giới-hạn. Nền nhơn thân-căn sanh ra, đã chắc không có hai cái duyên giác-quán hiệp và ly thì cái thân còn biết gì nữa. Nếu nhơn xúc-trần sanh ra, chắc không có thân-căn của ông, thì nào ai không có thân-căn mà biết hiệp biết ly được.

A—Nan, vật không thể tự biết có xúc, thân-căn mới biết có xúc, biết thân-căn là tức nơi xúc-trần, biết xúc-trần là tức nơi thân-căn, song tức nơi xúc-trần thì không phải thân-căn, tức nơi thân-căn thì không phải xúc-trần, chính hai cái tướng thân-căn và xúc-trần vốn không có xứ sở. Nói rằng hiệp với thân thì thành ra tự thể tánh của thân; còn nói rằng ly với thân thì thành ra những tướng hư-không. Chính cái giới-hạn nội-căn ngoại-trần đã không thành, thì làm sao mà lập được trung-giới là cái giới của thiết-thức. Trung-giới đã không lập được, nội-giới, ngoại-giới bản-tánh là không, thời từ đâu mà lập được cái giới sanh ra thân thức của ông.

Vậy ông nên biết rằng nói thân-căn và xúc-trần làm cái duyên sanh ra thân-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba cái giới thân-căn, xúc-trần và thân-thức vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự-nhiên.

A—Nan, như chỗ ông rõ; ý-căn và pháp-trần làm duyên sanh ra ý-thức, cái thức ấy lại là nhơn ý-căn sanh ra thì lấy ý-căn làm giới-hạn hay là nhơn pháp-trần sanh ra thì lấy pháp-trần làm giới-hạn.

A—Nan, nếu do ý-căn sanh ra thì trong ý ông chắc có nghĩ gì mới phát-mình cái ý ông ra; nếu không có các

pháp giữa trần-cảnh thì cái ý ông không thể tự sanh ; cái ý-căn của ông, ly các pháp duyên, đã không có tự-tướng, vậy còn đem cái ý-thức của ông mà dùng về việc gì ?

Lại cái thức-tâm của ông cùng các môn nghĩ ngợi, cùng, các sự rõ biết là đồng hay là dị ? Nếu như đồng với cái ý-căn thì tức là ý-căn, làm sao còn gọi rằng do ý-căn sanh ra, còn nếu như khác không đồng với ý-căn thì lẽ đáng không biết gì ; nếu không biết gì thì làm sao còn nói là do ý-căn sinh ra ; còn nếu có biết thì làm sao chia ra bên thức bên ý ; chính nơi hai tánh đồng và dị còn không thành-lập được, làm sao lại lập được giới-hạn.

Nếu như pháp-trần sanh ra thì các pháp trong thế-gian không rời ngũ trần, ông hãy xem các sắc-pháp, thanh-pháp, hương-pháp, vị-pháp với lại xúc-pháp, tướng-trạng tỏ rõ đó dễ đối với ngũ-căn thời các môn ấy đều chẳng phải về phần trần-cảnh của ý-căn.

Nếu cái ý-thức của ông quyết định nương nơi pháp-trần sanh ra thì nay ông hãy chín xét từng pháp, từng pháp hình trạng ra thế nào ; nếu ly các môn sắc không, động tịnh, hiệp ly, sanh diệt, vượt ra ngoài các tướng ấy rồi thì rốt ráo không có gì là pháp. Sanh là các pháp sắc không thấy sanh ra, diệt là các pháp sắc không thấy diệt mất ; chính cái pháp-trần là cái sở-nhơn (1) đã không thì cái thức như pháp-trần sanh ra mới thành hình tướng gì. Chính cái tướng trạng còn không có, làm sao lại lập được giới-hạn.

Vậy ông nên biết rằng nói ý-căn và pháp-trần làm duyên sanh ra ý-thức-giới, cả ba cho đều không, và ba cái giới ý-căn, pháp-trần và ý-thức vốn chẳng phải tánh nhưn-duyên sanh, chẳng phải tánh tự nhiên

(còn nữa)

VIÊN-ÂM



1. — Sở-nhơn = Cớ nhưn đó mà sanh ra cái khác.



ILUẬN

Nhơn-minh nhập chánh-lý luận

(TIẾP THEO)

雖 樂 成 立 猶 預 現 量 等 相 違
 Tuy lạc thành lập, do dữ hiện-lượng đẳng tương-vi
 故 名 似 立 宗 謂 現 量 相 違 比 量
 cố, danh tợ lập tôn; vị: hiện-lượng tương-vi, tỉ-lượng
 相 違 自 教 相 違 世 間 相 違 自 語
 tương-vi, tự-giáo tương-vi, thế-gian tương-vi, tự-ngữ
 相 違 能 別 不 極 成 所 別 不 極 成
 tương-vi năng-biệt bất-cực-thành, sở-biệt bất-cực-thành,
 俱 不 極 成 相 齊 極 成
 cụ bất-cực-thành, tương-phù cực-thành.

1) Tuy lạc thành lập, do dữ hiện-lượng đẳng tương-vi cố, danh tợ lập tôn, nghĩa là tuy muốn thành-lập tợ tôn, song vì còn bị các lỗi như là trái với hiện-lượng thấy, nên gọi là tợ-lập-tôn. — Từ đoạn này sắp về sau nói về tợ-năng-lập, nghĩa là lỗi lập tôn-chỉ không đúng lý, vì còn có các lỗi trong khi lập cái tôn, lập cái hơn hay lập cái dụ. Như về phần lập cái tôn mà còn có cái lỗi hiện-lượng tương-vi nghĩa là trái với hiện-lượng vào vắn, thì gọi là tợ-năng-lập và cái tôn đó cũng gọi là tợ-lập-tôn.

Về phần trước là phần hơn-năng-lập, thì chỉ rõ các thánh-cách mà tôn hơn, dụ cần phải có mới đứng với

chánh-lý ; thiếu các tánh - cách ấy thì tất nhiên phải có lỗi mà các lỗi ấy sẽ kê trong đoạn tự-mẫu-lập sau này.

Phàm đã ra luận-lý, tất nhiên phải lập những điều - kiện công-bằng đúng đắn làm cái luật trong khi luận-lý. Các cái luật trong khi luận-lý đó không thiên-vị bên nào, ai ai cũng phải tuân theo thì mới khỏi những lỗi cái qua cái lại mãi mà không có kết quả.

Các điều luật trong bộ luận Nhơn - Minh này do ngài Trần-Na Bồ-Tát tạo ra, song vì những điều-luật ngài đã tạo đều công-bằng đúng đắn không có thiên-vị, nên bốn Ngũ-Ấn-Độ đều theo luật này mà luận lý. Nhờ vậy, bốn Ấn-Độ mới lập được những Vô-Giá Đại-hội để biện-luận cùng nhau đúng theo kỷ-luật, ai luận lý không sai kỷ-luật thì là hơn, ai luận-lý sai với kỷ-luật thì chịu thua, không có những sự cãi cò dây dưa như trong các nước khác.

Về cái tôn thì ngài Trần-Na có nêu ra chín cái lỗi là 5 món tương-vi, 3 món bất-cực-thành, 1 món tương-phù.

2) Vi : hiện-lượng tương-vi, tỉ-lượng tương-vi, tự-giáo tương-vi, thể-gian tương-vi, tự-ngữ tương-vi, năng-biệt bất-cực-thành, sở-biệt bất-cực-thành, cụ bất-cực-thành, tương-phù cực-thành ; nghĩa là các cái lỗi của cái tôn là : hiện-lượng tương-vi, tỉ-lượng tương-vi, tự-giáo tương-vi, thể-gian tương-vi, tự-ngữ tương-vi, năng-biệt bất-cực-thành, sở-biệt bất-cực-thành, cụ bất cực tương-phù cực-thành. — Đây nói về các cái lỗi của tôn, gồm có chín món :

a) Hiện-lượng tương-vi là lập cái tôn trái với sự cảm-giác hiện tiền.

b) Tỉ-lượng tương-vi là lập cái tôn trái với sự so sánh hiện tiền.

c) Tự-giáo tương-vi là trái với giáo-pháp của mình.

d) Thể-gian tương-vi là trái với tư-tưởng học-thuyết thông-thường của thể-gian.

e) Tự-ngữ tương-vi là trái với lời nói của mình.

f) Năng-biệt bất-cực-thành là cái năng-biệt không được

công nhân.

g) Sở-biệt bất-cực-thành là cái sở-biệt không được công nhân.

h) Cụ bất-cực-thành là cả năng-biệt và sở-biệt đều không được công-nhân.

i) Tương-phù cực-thành là lập một cái lớn phù hiệp với ý-kiến của bên địch.



此 中 現 量 相 違 者 如 說 聲
Thử trung hiện-lượng tương-vi giả, như thuyết: thanh
非 所 聞 比 量 相 違 者 如 說 等
phi sở văn; tỉ-lượng tương-vi giả, như thuyết: bình đẳng
是 常 自 教 相 違 者 如 勝 論 師 立
thị thường; tự-giáo tương-vi giả, như Thắng-Luận-Sư lập
聲 爲 常 世 間 相 違 者 如 說 懷 鬼
thanh vi thường; thế-gian tương-vi giả, như thuyết loài thú
非 月 有 故 又 如 說 言 人 頂 骨
phi nguyệt, hữu cố; hựu như thuyết: ngón nhọn đánh cốt
淨 衆 生 分 故 猶 如 螺 貝 自 教 相
tịnh, chúng sanh phân cố, do như loa bối; tự-ngũ tương-
違 者 如 言 我 母 是 其 石 女 能 別
vi giả, như ngón: ngã mẫu thị kỳ thạch-nữ; năng-biệt
不 極 成 如 佛 弟 子 效 論 師 立
bất-cực-thành, như Phật đệ-tử đối Sở-Luận-Sư lập:
聲 滅 處 所 別 不 極 成 者 如 效 論
thanh diệt hoải; sở-biệt bất-cực-thành giả, như Sở-luân-
師 對 佛 弟 子 說 我 是 思 俱 不 極
sư đối Phật đệ-tử thuyết: ngã thị tư; cụ-bất-cực-
成 者 如 勝 論 師 對 佛 弟 子 立 我
thành giả, như thắng-Luận-Sư đối Phật đệ-tử lập: ngã
爲 和 合 因 緣 相 符 極 成 者 如
vi hòa hiệp nhơn-duyên; tương-phù cực-thành giả, như
說 聲 是 所 聞
thuyết thanh thị sở văn.

如是多言是遺諸法自相門故
như thị đa ngôn thị khiển chư pháp tự-tương-môn cố,
不容成故立無果故名似立宗過
bất dung thành cố, lập vô quả cố, danh tựa-lập-tôn quá.

1) Thử trung hiện-lượng tương-vi giả, như thuyết: thanh phi sở văn; nghĩa là trong các lỗi ấy, cái lỗi hiện-lượng tương-vi là như nói: cái tiếng không phải là cái bị nghe — « Hiện-lượng tương-vi » là cái lỗi vì trái với sự cảm-giác hiện tiền: như ai ai cũng nghe tiếng, cũng cảm-giác rằng cái tiếng là cái bị nghe, nay lập cái tôn: « cái tiếng không phải là cái bị nghe », thì trái với sự cảm-giác hiện tiền, nên bị cái lỗi « hiện-lượng tương-vi ». Ví dụ như có người lập cái thuyết như vậy: « Rắn có chun, vì nó đi chỗ này sang chỗ khác được vậy, phàm loài gì đi chỗ này sang chỗ khác được đều có chun, như con ngựa ». Lỗi luận-lý như vậy in tuồng là đúng đắn-song trái với sự cảm-giác hiện tiền, nghĩa là sự ai ai cũng hiện thấy con rắn không chun, nên bị cái lỗi hiện-lượng tương-vi.

Song các nhà luận về đạo-lý lắm khi phải phá các pháp tướng giữa thế-gian, cho đến phá cả những lỗi phân biệt bên năng bên sở, nếu tránh mãi cái lỗi hiện-lượng tương-vi thì làm sao luận-lý cho dặng. Muốn tránh cái lỗi như vậy thì phải có lời ngăn đón trước mới được. Như muốn lập cái tôn: « Bán vô sở văn », thì phải ngăn đón trước bằng hai chữ « chơn cổ » và nói « chơn cổ bán vô sở văn » mới được; « chơn-cổ bán vô sở văn » nghĩa là: đúng với chơn-lý thì vốn không có cái bị nghe, hoặc thiệt ra thì vốn không có cái bị nghe; nói như vậy thì ai ai cũng rõ là mình muốn chỉ sự lỗi lầm nơi cảm-giác hiện tiền giữa thế-gian, nên không bị cái lỗi « hiện-lượng tương-vi ».

2) Tỉ-lượng tương-vi giả, như thuyết bình đẳng thị thường; nghĩa là cái lỗi tỉ-lượng tương-vi là như nói: cái bình thấy là thường. — Trong thế-gian, ai cũng biết những món bình, chén chạm đến là bể, rất là vô thường, nên lập cái tôn: « cái bình là thường » thì bị lỗi, vì dầu nói

lý hay ho đến đâu, hễ họ đập cái bình thì nó đã bể nát, quyết định không thể gọi là thường được. Song lúc nào nói về chơn-đế, lập những thuyết có thể trái với tỉ-lượng thông thường giữa thế-gian thì cũng có thể ngán đôn bằng hai chữ chơn cổ.

3) Tự-giáo tương-vi giá, như Thắng-luận-sư lập thanh vi thường; nghĩa là cái lối tự-giáo tương-vi là như các ông thầy về phái Thắng-Luận lập cái tôn: cái tiếng là thường. Đối với giáo-lý của Thắng-Luận thì cái tiếng do các nhơn-duyên hòa hiệp mà sanh và là vô-thường thay đổi; nếu các ông thầy về phái Thắng-Luận lập cái tôn: “cái tiếng là thường” thì trái với giáo-lý của mình. Phạm lập cái tôn ra là cốt để biện luận cho người khác rõ rằng giáo-lý của mình đúng với sự thật; nếu trong khi biện luận lại lập những tôn-chỉ trái với giáo-lý của mình, thì bên địch không cần biện bác, họ chỉ hỏi vặn một câu rằng: “nếu lời của ông đó là đúng đắn, thì giáo-lý của ông là sai lầm, vì trái với lời nói của ông”. Họ nói như vậy là mình đủ thua rồi, vì bình một bên thì mất một bên, không thể nào gỡ cho ra được. Cái lối này là một cái lối rất quang trọng, cần phải gìn giữ cho lắm, nếu phạm lỗi này thì chẳng những bị thua về mặt luận-lý mà lại cũng có phần thiệt hại cho giáo-lý mình nữa.

4) Thế-gian tương-vi giá, như thuyết: hoài thổ phi nguyệt, hữu cổ; hựu như thuyết ngôn: nhơn đánh cốt tịnh, chúng sanh phược cổ, do như loa bối; nghĩa là cái lối thế-gian tương-vi là như nói “Ấp con thổ không phải là mặt trăng, vì mặt trăng là có thể vậy”; lại như nói: “xương trên đánh của người ta là sạch sẽ, vì là một phần trong thân chúng sanh vậy, như vỏ ốc xà-cừ”. Bên Ấn-Độ lúc bấy giờ ai ai cũng tin rằng mặt trăng ấp thổ, do một truyện đời xưa đã truyền-há cùng cả trong nước; vẫn biết nói như vậy là không đúng với sự thật, song đối với học-thuyết bên Ấn-Độ đời xưa, nếu nói mặt trăng không ấp thổ thì họ chỉ cười mình là kẻ vô-học mà thôi. Lại ở giữa đời ai cũng nhận xương người là nhớp-nhúa, nên bỗng dưng mình nói xương người là sạch sẽ

thì ai tin cho đặng. Ví dụ như đối với học-vấn đời nay đã nhận rõ con quặng do trứng muối sanh ra, mình lại lập cái tôn: con quặng do nước sanh ra thì ai còn tin được nữa; họ chỉ cười mình là kẻ vô-học mà thôi. Song trong lối luận về đạo-lý lắm khi cũng trái với tư tưởng học-thuyết giữa đời, nhưng bề lúc nào như vậy thì phải ngăn đón bằng hai chữ chơn cổ (theo tiếng ta là: thiệt ra thì) để cho họ biết rằng mình có ý phá sự lỗi lầm của học-thuyết giữa thế-gian, chứ chẳng phải vì mình không biết.

5) Tự ngữ tương-vi gia, như ngôn: ngã mẫu thị kỳ thạch-nữ; nghĩa là như nói mẹ tôi là người thạch-nữ. — Thạch-nữ là người con gái không có dâm-căn, không thể sanh sản đặng thì quyết định không có con, nên lời nói như trên là tự mình nói trái lại lời nói của mình, còn ai mà tin được nữa. Ví dụ như nói tạo-hóa tạo-hóa không sanh vạn vật, thì trong hai chữ tạo-hóa đã đủ cái nghĩa là một cái sanh ra vạn vật; chỗ cãi với nhau là cái cho biết rằng có tạo-hóa hay không tạo-hóa, chứ bề đã là tạo-hóa thì sanh ra muôn vật, đã không sanh ra muôn vật thì không phải tạo-hóa, chứ có khi nào có cái tạo hóa mà không sanh ra muôn vật. Nếu lập cái tôn như vậy thì bên dịch họ hỏi vặn lại rằng: Tạo-hóa là chi? tất nhiên mình phải trả lời: tạo-hóa là cái sanh ra muôn vật; thế rồi họ bác lý-thuyết của mình rằng: ông đã biết tạo-hóa sanh ra muôn vật, sao ông còn biện-luận rằng: tạo-hóa không sanh muôn vật; thế là ông nghĩ một đường, nói một ngả, không dùng nghĩa lý chút nào cả. Vậy muốn biện-bác chỗ tạo-hóa sanh ra muôn vật thì phải lập cái tôn như vậy: Tạo-hóa của các ông không thiệt có, hoặc chỗ ông tin rằng tạo-hóa sanh ra muôn vật là không đúng lý, hoặc không có một cái gì sanh được cả muôn vật, vẫn vậy, thì mới khỏi cái lỗi tự-ngữ tương-vi.

6) Năng - biệt bất-cực-thành, như Phật đệ-tử đối Sở-luận-sur lập: thanh diệt hoại; nghĩa là cái lỗi năng biệt bất-cực-thành là như đệ-tử Phật đối với Sở - luận - sur lập cái tôn rằng: cái tiếng diệt mất — Sở-luận-sur tin rằng

tất cả sự vật đều do tự-tánh biến-hiện, khi hết hiện rồi thì trở về tự-tánh, không hề diệt mất ; vậy nếu đệ-tử Phật đối với họ lập cái tôn : cái tiếng diệt-mất thì quyết định họ không phục và họ sẽ bảo rằng : diệt mất là cái gì, tôi không thể hiểu được, vì muốn sự muốn vật đối với chúng tôi chỉ do tự-tánh biến-hiện ra, rồi trở về tự-tánh, chớ có chi đáng gọi là diệt mất ; thế là bị cái lối năng-biệt bất-cực-thành. Lại bên dịch đã không nhận có cái gì diệt mất thì mới nương vào đâu mà lật được cái nhọn và cái dụ đồng-pháp.

7) **Sở - biệt bất-cực-thành gia, như Số-luận - Sur đối Phật-đệ-tử thuyết** : ngã thị tư ; nghĩa là cái lối sở - biệt bất-cực-thành như Số-luận-Sur đối với đệ-tử Phật lập cái tôn : cái ta là cái nghĩ ngợi. — Chính trong đạo Phật không nhận có cái ta, nếu Số-luận-Sur lập như vậy thì đệ-tử Phật cãi lại rằng : chúng tôi không công nhận có cái ta, cái ta đã không có, huống nữa là những tánh-cách của cái ta, ông nói như vậy là không đúng lý, vì chúng tôi chưa hề thừa nhận có cái gì là cái ta cả. Đây là một kỹ-luật để tránh những sự cãi cọ kéo dài, vì nếu mỗi bên chỉ dùng các danh-từ riêng của mình, không nghĩ đến sự thừa nhận của bên dịch thì mỗi người nói mỗi ngã, không cần hiểu nhau, đầu cãi đến mấy trăm năm cũng không hết chuyện.

8) **Cu bất thực-thành gia, như Thắng-luận-Sur đối Phật-đệ-tử lập** : ngã vi hòa hiệp nhưn-duyên : nghĩa là lối cu bất-cực-thành như các thầy Thắng-luận-Sur đối với đệ-tử Phật lập cái tôn : cái ta là nhưn-duyên của hòa-hiệp cả. — Thắng-luận-Sur đều cho rằng muốn sự muốn vật đều do lực cú mà thành, đều đó đệ-tử Phật không công-nhận có cái ta ; Lại đệ-tử Phật học không công-nhận có cái ta ; vậy cả cái năng-biệt và cái sở-biệt, đệ-tử Phật đều không công-nhận, nên lập cái tôn như vậy là bị cái lối “cụ bất-cực-hành”. Về các cái tôn bị lỗi bất-thực-thành, nếu bên dịch không công-nhận thì quyết không dùng được, còn nếu phần mình không công-nhận thì chỉ để lời ngăn đón rõ ràng là có thể dùng được. Ví dụ như đệ-tử Phật lập ra cái tôn : Tạo - hóa là vô - thường, thì đối với

minh đã phạm cả lỗi bất-cực-thành, vì đạo Phật không nhận có tạo-hóa, lại bên dịch có thể biện luận rằng : ông đã nói Tạo-hóa tức là ông tin có tạo-hóa rồi, ông đã tin có tạo-hóa thì chỗ tin của ông y như chỗ tin của chúng tôi, cần gì phải bàn đến các tánh cách của tạo hóa ; vì vậy nên mỗi khi gặp những sự vật duy bên dịch công - nhận còn bên mình không công nhận thì phải dè lời ngăn đón, như nói : như sở chấp tạo-hóa, như sở hứa tạo hóa tạo hóa, tạo hóa theo cho chấp của ông, tạo-hóa theo chỗ tin của ông, tạo-hóa của các ông. cái mà ông chấp là tạo-hóa vân vân, thì mới khỏi lỗi.

9) Tương-phù cực-thành gia, như thuyết thanh thị sở văn; cái lỗi tương-phù cực-thành là như nói : cái tiếng là cái bị nghe. — Phạm lập ra tôn-chỉ cốt để biện-luận cho rõ chánh-lý, chớ đối với một thuyết mà hai bên đều công-nhận như nhau thì cầu gì phải biện-luận nữa.

Như nói cái tiếng là cái bị nghe thì ai ai cũng đều công nhận cái tiếng là cái bị nghe, cần gì phải biện-luận; không cần biện-luận mà biện-luận thì bị cái lỗi tương-phù cực-thành

10) Như thị đa ngôn thị khiến chư pháp tự-tướng môn cổ, bất dung thành cổ, lập vô quá cổ, danh tợ lập tôn quá; Các lời lập tôn như thế, vì trái với tự-tướng-môn của các pháp, vì không thể thành - lập, vì lập ra mà không có hiệu-quả, nên gọi là các cái lỗi tợ-lập-tôn. — Trái với hiệu-lượng, trái với tự-ngữ vân vân, không rõ bày được tự-tướng của các pháp, làm cho bên dịch không thể thừa nhận nên bị lỗi; các môn bất-cực-thành dùng những danh-tướng tánh-cách mà bên dịch không công nhận thì không thể hiểu nhau nên cũng bị lỗi, lại những lỗi tương-phù cực-thành lập ra cũng không hiệu-quả gì nên cũng bị lỗi; các cái lỗi như vậy là thuộc về các lỗi tợ-lập-tôn.

(còn nữa)

Viên-âm



THANH-NIÊN HỌC-TẶNG

Hội Annam Phật-Học đã mở được bốn lớp học như sau này:

1) LỚP ĐẠI-HỌC

Mục-dịch lớp Đại-học này mở ra là để đào-tạo các bậc học-tặng đã thông hiểu Phật-pháp nhiều rồi, chỉ học cách tìm thể phương-tiện để ra hoằng-pháp.

2) LỚP TRUNG-HỌC

Chỉ chuyên học kinh điển và giáo-lý Đại-thừa, lại học các triết-học Á-Âu cùng tập làm bài và tập lên đàn diễn giải.

3) LỚP TIỂU-HỌC

Đều chuyên dạy giáo-lý tiền-thừa của Phật và cách tụng tán hai buổi công phu. Lại phụ thêm các môn học như cách-trí, địa-dư, toán-học về lớp sơ-đẳng theo chương-trình các trường học nhà nước.

4) LỚP NI-CÔ

Tức là dạy đủ hai lớp Tiểu-học và Trung-học như trên, duy chỉ người nào theo được lớp Đại-học thời phải tới tại trường Đại-học của bầu Tăng-già mà nghe giảng kinh rồi về lại chùa.

Hiện nay số học-sanh cả bốn lớp học của Hội Annam Phật-Học đã hơn được số 100 người, vậy bốn báo xin mở mục này để gom góp các ý kiến của các học-tặng và để cho bà con biết trình-dộ học-thức của mỗi lớp.

Nếu ai muốn rõ chương-trình và cách-thức học thời xin viết thư cho Tòa-soạn Viên-Âm, chúng tôi sẽ xin gửi điều-lệ và qui-tắc của các lớp ấy.





ĐÂU LÀ TỊNH - ĐỘ ?

Nói đến Tịnh-độ thì từ xưa đến nay trừ những người tin-cần vững vàng, hột giống tịnh-nghiệp chắc chắn một phen nghe nói đến đức Phật Di-Đà, cảnh Tây-phương Tịnh-độ thì tin chịu mà làm theo đều được lợi ích không biết bao nhiêu, không luận người thượng trí hay kẻ hạ căn, miễn đủ tin, hạnh, nguyện cho vững bền ấy là được. Trái lại, vì tin căn ít ỏi, thiếu giống tịnh-nghiệp, nghe nói đến Tịnh-độ không sao khỏi mơ màng dự dự mà thường nảy ra những câu hỏi trong óc : Phật Di-Đà có thật hay không ? Cảnh Tịnh-độ thật có hay không ? Rồi suy nghĩ, rồi dự dự, rồi thảng lại ngày qua rồi cuộc mà vô-thường xảy đến đánh theo nghiệp mà chìm đắm ! Nói đến đây chắc có người cho tôi là vu vơ mê-tin ; không phải đâu, xin ai là người muốn tìm hạnh-phúc, muốn ra khỏi vòng khổ lụy lao lung, nên tịnh tâm mà xét lại : Hư-không vô-cùng, thế-giới vô-tận. Phạm đã có thế-giới văn-minh, có thế-giới dã-man, có thế-giới ô-trọc, có thế-giới thanh-tịnh, có thế-giới làm than khổ sở, thì có thế-giới cực-lạc trang-nghiêm, có Phật Thích-Ca thì quyết phải có Phật Di-Đà là lẽ thường vậy. Chẳng qua tùy theo nhân-duyên, tùy theo hoàn-cảnh, mà cảnh-ngộ có so le ; nếu ai đều phát Bồ-đề-tâm, đều theo phương-pháp Tịnh-độ mà tu hành, biết cải-tạo nhân-duyên, biết thay đổi hoàn-cảnh, thì cảnh Tịnh-độ cũng không phải lọ tìm đâu xa, mà đức Phật Di-Đà cũng thường hiện bày rõ rệt.

Thê của muôn loài vẫn bình-dẳng, vẫn không luân-hồi sanh tử, vẫn không có gì là tịnh uế, đều một thê tánh như như, ngặt vì chỗ tạo nghiệp nhân không đồng, nên khi kết-quả có khác, cõi đời vì vậy mà phân biệt điên đảo, trước cũng không biết đâu là trước, sau cũng không biết đâu là cùng. Đức Thích-Ca nhờ dày công tu-luyện mới chứng được cảnh chân-thường cực-lạc, đủ con mắt đạo-nhân trông thấy sự thống-khổ muôn loài, đồng mỗi tứ-tâm vận hết lòng thương xót, chỉ bày cho những phương-pháp thoát khổ, chỉ những thê-giới cực-lạc trang-nghiêm, tạo nhân thanh-tịnh, hưởng quả Bồ-đề, tự-lợi, lợi-tha để cùng nhau an hưởng sự chân-thường giải-thoát vậy. Như phương-pháp tu Tịnh-độ đây là một phương-pháp rất huyền-diệu mà cũng rất rõ ràng, dẫn dị mà lại rất rộng rãi ; cho nên có chia ra chín phẩm hoa sen, tùy theo chỗ hiểu ngộ, chỗ công phu tu-hành rộng hẹp mà chứng về Tịnh-độ có cao thấp, cho nên Tịnh-độ phàm-phu khác, Tịnh-độ nhị-thừa khác, Tịnh-độ Bồ-tát khác : Tịnh-độ của Phàm-phu thì như người nghe thời tin, tin rồi làm theo, rồi cầu nguyện, đến khi lâm-chung được thấy Phật đến rước, các vị Bồ-Tát dắt đi cho thần-thức của mình về nơi Tịnh-độ, hoa nở thấy Phật, an hưởng sự tiêu diệu thanh-tịnh ; Tịnh-độ của nhị-thừa, cũng nghe thời nghi, nghi rồi tin theo, rồi làm theo, nguyện làm cho đến mục-dịch ; hàng nhị-thừa chỉ vì căn-tri khiếp-nhược phân nhiều là chán khổ ưa vui muốn cầu đạo vắng lặng, độc thiện lấy một mình chứ không ưng ra hoàng-dương chánh-pháp, cứu-dộ chúng sanh ; cho nên khi họ tu niệm đã đạt mục-dịch « nhứt tâm bất loạn » rồi, thì không những chết rồi mới sanh về Tịnh-độ mà hiện đời này cũng đã được an nhàn tự-tại, hưởng quả giải-thoát. Trên là nói Tịnh-độ của phàm-phu và nhị-thừa, còn nói Tịnh-độ của Bồ-tát thì khác hẳn ; mà Tịnh-độ của Bồ-tát mới thiệt là Tịnh-độ của Phật-dà, mới thật là hoàn-toàn trang-nghiêm Tịnh-độ. Như trong kinh Duy-Ma-Cật Phật dạy với ông Bửu-Tích rằng : « Nay Bửu-Tích, cõi của các loài chúng-sanh là cõi của Phật, của Bồ-Tát vì

sao! Ông Bồ-Tát tùy theo chỗ giáo-hóa chúng sanh mà chứng lấy cõi Phật; theo căn-cơ của chúng sanh mà dùng chước dắt diu vào trí-huệ Phật ấy là chứng lấy cõi Phật, theo căn-cơ của chúng sanh nên dùng chước nào khi căn-trí Bồ-tát ấy là chứng lấy cõi Phật; vì sao? Bồ-Tát sở dĩ chứng cõi thanh-tịnh đều vì lợi ích cho chúng sanh vậy. Vì như có người muốn tạo-lập một cái nhà thì cần phải có chỗ đất trống trải bèn chặt mới tùy ý làm không gì ngăn ngại, nếu làm giữa hư-không thì quyết không thành; ông Bồ-Tát cũng như vậy, vì thành-tựu cho chúng sanh mà nguyện chứng cõi Phật, muốn nguyện chứng cõi Phật quyết không phải ở giữa trống không mà đứng. Ông Bảo-Tịch này, ông phải biết trực-tâm là Tịnh-độ của Bồ-Tát, nên khi Bồ-Tát thành Phật, chúng sanh ngay thẳng đều sanh về nước ấy; thâm tâm là (lòng vì pháp rất sâu dày) là Tịnh-độ của Bồ-Tát, nên khi Bồ-Tát thành Phật, những chúng sanh có công đức đầy đủ đều sanh về nước ấy; tâm đại-thừa là Tịnh-độ của Bồ-Tát, nên Bồ-Tát khi thành Phật được chúng sanh đủ căn-trí đại-thừa đều sanh về nước ấy; cho đến lục-độ là Tịnh-độ của Bồ-Tát, tứ-vô-lượng-tâm là Tịnh-độ của Bồ-Tát (tứ, hi, hỷ, xả), tứ-nhiếp-pháp (bố-thí, ái-ngữ, lợi-hành, đồng-sự) là Tịnh-độ Bồ-Tát, phương-tiện là Tịnh-độ của Bồ-Tát, 37 đạo phẩm là Tịnh-độ của Bồ-Tát, lòng hồi-hướng là Tịnh-độ của Bồ-Tát, thập-thiền là Tịnh-độ của Bồ-Tát; như vậy Bửu-Tịch này, Bồ-Tát theo chỗ trực-tâm thời mới phát hạnh, theo chỗ phát hạnh mới dựng thâm-tâm, theo chỗ thâm-tâm thời ý mới điều phục, theo ý điều phục mới như lời nói mà tu-hành, mới hay hồi-hướng, theo chỗ hồi-hướng mới có phương-tiện, theo chỗ phương-tiện mới thành-tựu chúng sanh, theo chỗ thành-tựu chúng sanh thời cõi Phật thanh-tịnh, theo chỗ cõi Phật thanh-tịnh thời nói pháp thanh-tịnh, theo chỗ nói pháp thanh-tịnh thì trí-huệ tịnh, theo trí-huệ tịnh thì tâm cũng tịnh, tùy theo tâm-tịnh thì tất cả công-dec đều được thanh-tịnh. Vậy nên ông Bửu-Tịch này, Bồ-Tát muốn được Tịnh-độ, phải tịnh tâm, theo kia chỗ tâm tịnh thời cõi Phật cũng tịnh ».

Như vậy thì biết Tịnh-độ của các hàng Bồ-Tát khác hẳn, không cần nói có hay nói không đều ở ra ngoài hai bên ấy ; cũng không cần chết rồi mới sanh về Tịnh-độ, miễn làm thế nào lợi ích cho chúng sanh ấy là Tịnh-độ của Bồ-Tát ; cứu được một chúng sanh ra khỏi vòng khổ lụy tức là Tịnh-độ của Bồ-Tát, vậy nên có câu : « Tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân ». Nếu như ai nấy đều phát Bồ-đề-tâm, đều tu hạnh Bồ-Tát, đều bỏ mình mà lợi ích cho chúng sanh thì có cần gì hỏi có Tịnh-độ hay không ? Có Phật Di-Đà hay không ? Chư-cối Ta-Bà này không thành Tịnh-độ hay sao ? Chốn địa-ngục không trở nên nơi Cực-lạc hay sao ? Bọn ngu-dần ngục tốt há không trở thành chư thượng thiện nhân hay sao ?

Xin ai là người minh trí nên suy xét mà tin theo Tịnh-độ để chúng qua Tịnh-độ rồi về Tịnh-độ, rồi dắt dìu chúng sanh đồng về Tịnh-độ đều an hưởng cảnh trang-nghiêm cực-lạc vậy. —

Đại-học-đường TRÍ-THỪ





ĂN CHAY

Phật là một đấng giác-ngộ hoàn-toàn đo huệ - nhãn xem thấy chúng-sanh, xâu-xé lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, không có chút gì là Từ-bi bác-ái cả, nhưng rốt cuộc lại cũng chỉ vì «Mưu cầu sự sống» vậy ; Phật vì mục-kích-cái cảnh tình thống khổ kia, mà động mỗi từ tâm. nên giảng bày các pháp-môn là cốt đem đạo-dức luân-lý làm phạm-vi để hạn chế tấm lòng độc ác của chúng-sanh, cho khỏi sự thống-khổ gớm ghê hầu tạo thành một thế-giới hòa-bình khoái-lạc,

Vì lý đó nên Phật dạy phải ăn chay, niệm-Phật cũng các pháp-môn khác.

Ăn chay là ăn ròng các thứ thảo-mộc ; nhưng ăn có hai cách 1-) Ăn tươi, 2-) Ăn chín, Ăn tươi như rau, cải, dưa, chuối, v. v. . . .

Cách thức ăn chay

Ăn chín như các món xào, chiên, luộc, nấu, v. v. . . . lại có phụ thêm như tương, cháo, đậu nhậu, xì dầm. Trong các món đó thường phải thay đổi luôn, thời mới có thú vị và chất bổ

Các hạng người ăn chay

Ăn chay có nhiều hạng, vì tùy theo chỗ phát tâm của từng người ; nhưng rốt lại chỉ có hai hạng : 1-) trường trai, 2-) kỳ trai ; hạng ăn trường trai là trọn đời chỉ ăn chay luôn, không khi nào ăn đến các món thịt cá ; hạng ăn chay kỳ là ăn từ nhị trai cho đến bát trai

Ăn chay có lợi ích cho vệ sinh.

Sự ăn uống là cốt cho có chất bổ và thích-hợp vệ-sinh để mạnh khỏe thân thể.

Mà nay nhà Khoa-học và hóa-học đã thí - nghiệm trong các giống thịt có những chất độc cho đến như độc trà tau (théine) độc thuốc lá (nicotine) độc thuốc phiện (morphine). Những chất độc ấy hay sinh ra những bệnh nguy-hiểm như táo-kết, thương hàn, ung, thư. v. v. v. v. . .

Còn đậu nành, rau muống, chuối, khoai. nhà Khoa-học đã công nhận rất tốt, rất bổ, vì trong đậu nành có 14 phần nước, 35 phần chất đạm, 18 phần chất mỡ. 18 phần chất đường, 4 khoáng chất. v. v. . . còn rau muống nhiều chất sinh-tổ (vitamine), khoai, đậu, bắp, mè, đều có chất bổ, tiêu hóa dễ mau, mà rất thích hợp vệ sinh. Ta thử so sánh như vậy sẽ rõ như đem các vật trái cây và thịt cá bỏ vào trong thùng dể vài hôm lấy ra, thì trái cây không hư héo mẩy, còn thịt cá thì thúi-thá nhơ-bẩn ; xem đó đủ biết ta ăn vào cũng vậy.

Đời bây giờ là đời khoa-học phát-minh một vật gì cũng đều thí-nghiệm rõ ràng rồi mới đem thí hành thật dụng. Vậy lẽ nào ta còn nghi hoặc nữa ư?

Ăn chay có lợi ích cho sự tiết kiệm

Xem như thường ngày ngoài chợ thì ăn mặn mắc xấp mấy đồ chay; như 0\$50 thịt cá dùng độ 2, 3 người, còn 0\$50 đậu, cải, khoai rau, trái cây thì dùng được 7, 8 người dư dật, xem thế đủ biết mất rẻ thế nào? đó là phần trực-tiếp còn phần gián-tiếp thời ăn mặn lại còn dùng rượu, chè, bánh, kẹo v. v. thật không lao khổ xiết. Và phải nhớ rằng giữa xã-hội ngày nay xảy biết bao nhiêu tấn kịch thảm trạng, nay sự tiêu-xài của chúng ta đã dư dật thời dể cứu giúp cho những người cực khổ đang chìm nổi trong hoàn-cảnh ấy Như vậy đã lợi mình lợi người thì qui hầu biết đường nào?

Ăn chay lợi ích cho lòng đạo đức

Lấy theo trí lý mà nói, thì các loài động vật, đều có tính thức, biết ham sống sợ chết cũng như ta vậy, nó có tội tình gì mà ta giết hại nó một cách rất thục tâm

thảm-mục, chẳng qua vì nó ngu-mé, không khôn như ta, mà ta đã bắt nó làm nô-lệ đời đời hiếp kiếp, đáng lẽ ta phải thương nó mới phải, phương chi lại giết nó mà ăn thịt, thì tấm lòng nhân-tử của ta đâu ? nhưng xét kỹ cũng vì miếng ăn Nay trái lại cũng miếng ăn mà miếng ăn trong sạch thanh tao, miếng ăn làm cho bớt bầm dục, đủ đức tánh từ-bi bình-dẳng.

Vậy nên biết ăn chay là nền - tảng vững bền của con đường đạo-đức.

Thế-giới đến ăn chay thì ra thế nào ?

Lối ăn chay rất có lợi ích cho nhân-quần xã hội ; coi như các nước văn minh cũng đều tín chuộng đến nó như người Tàu đề xướng «Sở tự chủ nghĩa», người Nhật «Tổ thực chủ-nghĩa» ; người Âu-Mỹ thì «Régime-végétarien». Nếu cả thế giới mà ăn chay, thời không giết hại nhau, thời tinh thần ái của chúng sanh khởi khít biết dường nào. Vì theo như lời của các nhà Vận động ở Âu châu đã tuyên-bố rằng : «Nếu muốn thế giới hòa bình, bắt đầu trong bữa ăn không được có một giọt máu hay một miếng thịt của loài sanh vật nào».

KẾT LUẬN

Vậy nên ngày nay, ta không nên nệ đảng phái nào, địa vị nào, ai ai cũng nên dùng đến nó, vì nó làm cho chúng ta được nên nhiều lợi ích chân chánh như trên, hầu dễ làm cho nhơn-loại khỏi sự khổ não, thế giới hòa bình, cùng nhau đào tạo hạnh phúc chung.

Sơ-đẳng Tiểu-học-sanh :

VÕ-MINH-VINH





VẤN ĐÁP

MỘT THỜI TIẾP CHUYỆN

Tuần lễ vừa rồi thầy B. T. ở Quảng-Bình vào trường Trung-Học phỏng-vấn những nghi-án về Phật-pháp, chúng tôi tuy chỗ học còn thiếu kém, nhưng cũng tùy theo phương tiện mà quyết nghị; nên chúng tôi vui lòng tiếp chuyện cùng khách.

KHÁCH HỎI. — Chư-sơn với Hội Phật-Học bề trong ra thế nào, chứ bề ngoài in tường có khác?

ĐÁP. — Thừa không, Chư-sơn với Hội Phật-Học mục-dịch vẫn đồng, nhưng Chư-sơn không khéo cách tổ-chức, nên không thích-hợp với hiện đại tư triêu, nên sự truyền-bá không được phổ-cập.

HỎI. — Vậy chỗ truyền-bá của Chư-sơn có sai lầm chăng!

Đ. — Không sai, nhưng theo trào-lưu thì không thích-hợp, cần phải cải-cách.

H. — Vậy Phật-pháp phải theo thời-đại mà cải-cách chăng.

Đ. — Phải.

H. — Vậy Phật-pháp không nhất định?

Đ. — Phải, Phật-pháp là bất định pháp đã tùy theo trình-độ cao thấp của mỗi người mà nói có sai biệt, cũng như vị lương-y phải tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc, miễn lành bệnh là được.

H. — Phật-pháp đã theo thời-đại mà cải-cách, sao sự truyền-bá còn chậm trễ, người tín-ngưỡng đối với đạo rất lơ thờ không bằng các tôn-giáo khác?

Đ. — Vì Phật-pháp không phải là thần-quyền, không mê-tin không đem thế-lực áp-chế, không đem tiền của, giỗ người, chỉ đề người tự-do tín-ngưỡng, nghĩa là chọn được lý nào chánh-dáng thì theo.

H. — Phật-pháp đã không phải thần-quyền mê-tin, sao có nhiều ông thầy chỉ theo lối dị đoan mê-tin, như chuyện về sự cúng kính?

Đ.—Về sự cùng cùng là một lối phương-tiện giáo-hóa từ bậc thấp đưa họ lên bậc cao, nhưng phần nhiều các ông thầy chỗ học-thức còn kém không đủ tự-lực cải cách, bị hoàn-cảnh chi-phối nên phải đi vào một con đường với họ.

H.—Vậy mục-dịch Phật-pháp dạy người phải thế nào?

Đ.—Phật-pháp dạy người phải biết rõ tâm-tánh và phải thương người mến vật; không nên giết hại lẫn nhau.

H.—Thế Phật-pháp đứng về mặt đạo-đức chẳng?

Đ.—Phải, không những riêng về mặt đạo-đức mà lại đủ các lý-thuyết khác nữa, nghĩa là hiểu rõ chân-lý sau mới thiệt-hành, thì đường tiến-thủ mới khỏi nghi ngờ, mà chóng được hiệu-quả.

H.—Vậy Phật-pháp có khác với Tôn-giáo không?

Đ.—Phật-pháp là Phật-pháp, Phật-pháp không phải là Tôn-giáo, vì Tôn-giáo còn có nghĩa thần-quyền, song Tôn-giáo của Phật là khác hẳn, “tôn” nghĩa là tôn-chỉ tôn-thủ; “giáo” nghĩa là giáo-pháp giáo-diễn, chứ không phải như các tôn-giáo khác nói có Thượng-đế tạo vật và đủ quyền thưởng phạt, xưa nay phần đông tín-dồ cũng nhận lầm Phật-pháp là tôn-giáo.

H.—Sao tôi thấy nhiều người chỉ ưa về lối thần-quyền có bề linh-động hơn?

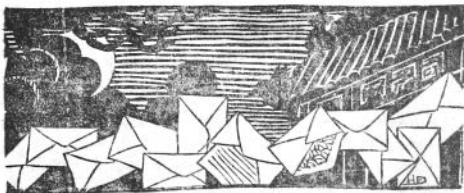
Đ.—Vì nước ta đã hấp-thu theo phong-hóa nước Tàu như Khổng-giáo, Lão-giáo, vì cái tánh di-truyền ấy đã ăn sâu vào óc não, nên ưa phụ thuộc với thần-quyền.

H.—Tôi thấy trong Phật-pháp cũng có dạy về lễ bái tụng kinh, sám-hối, có phải là thần-quyền chẳng?

Đ.—Không, là phương-tiện dắt người đến đường đạo, sự lễ bái là tỏ dấu cung kính và cảm ơn Phật và cùng tất cả những người đã có ơn với mình; còn tụng kinh là để cho ba nghiệp được thanh tịnh và học lại cho nhớ những lời của vị giáo-chủ đã nói ra mà dạy về ta; còn sám-hối nghĩa là ăn năn những điều mà mình đã lầm lỗi.

Vả lại đạo Phật có đủ sự đủ lý nên những điều đó cũng là một phương-pháp đưa người đến chỗ cứu-cánh.

(còn nữa)



Kính bạch Ny - cô Nguyệt - Ảnh,

Kính tiếp bức thư Ny-có hỏi em lâu nay học hành ra thế nào? chỗ tu trì tâm niệm ra sao? Em xin có mấy lời đề trình lại Ny-có rõ:

Từ ngày em vào trường nữ Phật học đến nay, cái quang niệm đối với sự tu học Phật pháp của em đều khác hẳn với khi trước. Thừa ny-có, ngày trước em nghĩ bất kỳ sự lý gì phiàm đã học thì phải hiểu, đã hiểu thì nhận được lý nghĩa, vậy cho nên em quyết chí ra đi, quyết tìm thầy tìm bạn để mong học hỏi.

Vào trường học lâu nay em cũng học được mấy quyền luật giải, mấy tập kinh luận Đại-thừa-giáo, về phần chữ nghĩa em cũng rõ được ít nhiều, cho đến đạo-lý em cũng mở mang đôi chút. Song thiên ôi, em thường nghe các bà Đốc nói: "Phật-pháp không phải ở nơi văn-tự mà cũng không ngoài văn-tự" vậy thời Phật-pháp ở đâu? Câu hỏi ấy đã làm rộn trí em trong mấy lúc nay, em cũng đã nhiều phen đem hết cả tâm trí suy tầm nơi kinh điển, có lúc em cầu Phật gia hộ cho em mau hiểu, lại nhiều khi em giận em quá ngu si, nên nhiều khi ngồi lý với một quyển kinh, hoặc chú ý chỉ một câu mà suy tầm hằng ngày không chịu bỏ; càng nghĩ lại càng rối, càng rối lại càng phiền. Lắm lúc em đem chỗ ấy ra mà trình với các bà Đốc, thời các bà cười mà bảo rằng; "Có đừng nên suy nghĩ nữa, nên tịnh tâm mà niệm Phật cên hơn, dù có suy nghĩ bao nhiêu cũng chỉ hiểu lý nghĩa rất ráo là cùng, chứ không khi nào

thấy được Phật pháp" Các bà tại dạy kinh điển vì như củi thiang, thiang củi có thể làm ra lửa được song phải tự mình phải tìm lấy mới biết chất nóng của lửa được.

Em nghe như vậy rất lấy làm bất ngát, ngày trước em cũng tưởng học kinh luận của Phật cho rồi ráo rít có thể ra hoằng-pháp lợi sanh, đem chỗ học hỏi của mình mà giác tỉnh người, vì vậy em mới quyết lòng tham học cho mau để ra hoằng pháp.

Từ ngày vào trường học lâu nay mới biết sự mình nghĩ trước là sai cả. Các bà Đốc đôi khi nhân rồi thường hay hỏi em: "Cỗ nón học, nón ra hoằng pháp như vậy cũng là có giống đại thừa lắm, song xin hỏi có, có đem gì mà giác tỉnh cho chúng sanh trong khi mê say theo tham, sân, si, theo ngũ dục, lạc và ngũ trần cảnh! Chắc có nói rằng cô sẽ đem chỗ học trong kinh điển ra mà nói, thí dụ như cô nói: "chị em nên nhớ tâm niệm Phật chớ đừng theo niệm các niệm chúng sanh, và đừng chấp ngũ-trần huyền cảnh". Nếu có người tri thức hỏi lại thế nào gọi là Phật, gọi là chúng sanh! thì cô lại nói rằng: tánh bất sanh bất diệt là Phật, tánh sanh diệt là chúng sanh, còn hỏi sao gọi là ngũ trần huyền cảnh thời cô lại nói: sắc không thiết là sắc, vì con mắt đối với cảnh cùng ý thức sanh phân biệt đó thôi. Có nói như vậy đối với người nghe suông thì được, vì họ sẽ bỏ qua, chớ như với người muốn theo Phật pháp mà tu hành thì họ sẽ cho cô nói như vẹt học nói tiếng người, cũng như cô học nói pháp của Phật, chớ khi nào ai chịu tin mà làm theo!"

Nghe lời các bà Đốc, em liền tỉnh ngộ, biết chỗ sai lầm của mình nhiều lắm, cho nên từ đó đến nay, em nguyện theo tu học cho bao giờ các bậc Đại đức, các bà nhận là em có hiểu Phật pháp được ít nhiều, chúng ấy mới mong nghĩ đến sự hoằng pháp lợi sanh và báo Phật ân đức vậy.

Mấy lời kính bạch ny có rõ và kính chúc ny có pháp thể kính an.

Trưởng nữ Phật Học DIỆU-HÒA





THI - LÂM

QUẢN TÂM TỊNH THẤT NGÃU TÁC

Mình biết mình hơn kẻ biết mình,
 Khi về khi ở mặc ư tình.
 Không đeo niu cánh không phiền lụy,
 Nở cười luôn ai nở nhọc vinh.
 Đạo núi mỗi chân ngồi niệm Phật,
 Thăm chùa gặp bạn lại xem kinh.
 Ở ở lạc độ là đây nhĩ?
 Nguyễn những bao giờ khéo để dành.

Nữ cư-sỹ ĐẠM-PHƯƠNG

HỌA BÀI THƠ CỦA QUẢN TÂM

Vạn pháp bày ra ấy tự mình,
 Bởi vì chấp pháp hóa mê tình.
 Kẻ chỉ huyển cảnh danh và lợi,
 Vứt sạch trần duyên nhọc với vinh.
 Như đá gặng công mà tưởng Phật,
 Thì xin quyết trí để thông kinh.
 Ở đâu là tịnh đâu là uế?
 Phật độ trang nghiêm mấy kẻ dành.

Nữ cư-sỹ Đ. K.

PHỤNG HỌA NGUYÊN VẬN THƠ CỦA ÔNG TỰ-GIÁC CƯ-SĨ, GỎI CHO TÒA SOẠN VIỆN-ÂM

Một pháp-môn vô-thượng thậm thâm,
 Chỉ duy đạo Phật cổ lai cam.
 Tâm ta niệm Phật ta là Phật,
 Phật ở đâu xa, Phật tức tâm.

Bình-phẩm như ai khéo lắm thay,
 Mối văn vừa ngọt lại vừa cay.

Vì chưa hiểu đạo nên hai mặt.
Nếu biết hồi tâm cũng một tay.
Này nước nhiều khe càng thấm khắp,
Như chim lặn cánh nhẽ xa bay.
Muốn đem chuông Phật rung miền tục,
Nào phải đòi người gánh được ngay.

III

Bánh xe sanh tử lộn quanh vòng
Muốn lọt ngoài vòng phải liệu xong.
Nhà-lửa năm chung nên nóng mặt.
Bến-mê ngồi đợi nở yên lòng.
Ít nhiều nước-pháp đem mau tưới,
Chấp nổi bướm từ phải kịp dong.
Nhờ tiếng Viên-âm kêu gọi giúp,
Kêu người nam bắc họ trông mong.

IV

Bác với em đây hẳn có duyên,
Có duyên với Phật nặng lời nguyện.
Em về hồi-hướng tâm đà quyết,
Bác muốn quy-ý chỉ phải chuyển.
Gắng sức chia ra nhà hỏa trạch,
Cùng nhau vượt khỏi bến mê xuyên.
Dù chưa thành Phật thành tiên dựng,
Nghĩa được như vậy cũng Phật tiên.

V

Đường tới Tây-Thiên thẳng lối đi.
Muốn đi đứng đây chờ ngồi lý.
Đã hay vì đạo, đừng lo mệt,
Nào phải như ai, cứ giả si.
Vấn biết mỗi người riêng mỗi tánh,
Nhưng mà iuý thế phải tùy nghi.
Mau mau tỉnh ngộ đừng mê nữa,
Ngàn dặm sai thù chỉ một lý.

VI

Muốn qua Tịnh-độ biết đâu qua,
Chỉ thấy trần-ai khói một tòa.
Trước gió bông đào cười chúm chím,
Dưới trăng rượu cúc uống bày ba.
Người đời mê đắm trông càng thẹn,
Cuộc thế say sưa, nghĩ lại mà.
Vì nghĩa giặc-tha nên phải gắng,
Áo xiêm xen lộn với nâu-dà.

LÊ-MAI-ĐÌNH

Cạnh tranh

Dân-tộc cạnh-tranh, xã-hội cạnh-tranh, quốc-gia cạnh-tranh cho đến cá - nhân cạnh - tranh, ấy là mấy tiếng mà hiện thời đã thành ra cái phong trào cạnh tranh ở đầu cửa miệng của mọi người. Sống trong thế kỷ thứ hai mươi này cũng vì yêu chuộng mục-dịch cạnh - tranh, cho nên họ lắm ghét Phật-pháp vì cho là trái với chủ-nghĩa cạnh-tranh, mà không biết trong Phật-pháp cũng có cạnh-tranh.

Thế-gian cạnh-tranh chỉ cạnh-tranh nước nọ đối với nước kia, dân-tộc này đối với dân-tộc khác, thậm chí đến từ người này đối với người khác, mục-dịch để làm gì? Cũng chỉ để giúp thêm sự sống của mình cho được hơn kẻ khác.

Vậy thời Phật-pháp cạnh - tranh thế nào ? Phật - pháp cạnh-tranh với mình và cạnh-tranh với vũ-trụ. Cạnh-tranh với mình là sao ? Phải cạnh-tranh cái tánh lười biếng để lo làm việc chuyên cần, phải cạnh tranh với cái tánh ích-kỷ, tham hại, để lo giúp người đều được vui vẻ, cạnh-tranh với cái tánh si-mê để đối cảnh khỏi phải bị làm nô lệ cho cảnh và được tự-tại, cạnh-tranh với các tình ấy được hoàn-toàn, ấy là mình tự chủ được tinh-thần mình không còn bị hoàn-cảnh sai khiến nữa.

Sao gọi là cạnh-tranh cũng vũ-trụ ? Vũ-trụ bao la dưới đất trên trời còn biết bao nhiêu là vật quý để cung cấp cho ta, sao ta nỡ bỏ không dùng mà lại đi tranh dành cướp giật lẫn nhau ?

Bà con nghe câu chuyện sau này sẽ rõ : « Có một cặp vợ chồng sinh được năm đứa con, sau khi chết để lại cho chúng nó bao nhiêu là đất cát ruộng rẫy. Tuy năm đứa lập nên năm cái gia-đình, mỗi không chịu lo làm ăn, mà chỉ lo cướp giật lẫn nhau, đứa này dòm đứa kia vừa lúa.

của lớn thì đã sanh lòng muốn cướp dật, lại đũa khác thấy đũa kia ruộng tốt lúa nhiều thì sanh lòng thêm muốn, vì vậy sanh ra cướp bóc lẫn nhau đất ruộng bỏ hoang, công nghệ trễ nải.

Bà con xem đến đây chắc cho là năm cái gia-dinh ấy hết sức vô-phước, đã là anh em với nhau sao không lo ai nấy đều làm ăn mà lại đi cướp dật lẫn nhau ? Vậy nay bà con thử nghĩ cặp vợ chồng ấy là ai ? Vả năm anh em lập nên năm gia-dinh ấy là ai ? Mà vì sao lại cướp dật ?

Sau này nếu ai trả lời đúng mấy câu này tôi sẽ xin biếu một năm VIÊN-ÂM, và một quyền Kinh :

- 1) Cặp vợ chồng ngu ý gì.
- 2) Năm anh em lập gia-dinh là ai ?
- 3) Trả lời nên cạnh tranh hay không nên cạnh tranh ?
- 4) Không cạnh tranh có sống được với nhau không ?
- 5) Làm thế nào để giải quyết ?

Ai trả lời xin gởi về cho Tòa-soạn VIÊN-ÂM trước ngày 30 để đăng báo và gởi thưởng.

VÔ-NGÃ
Viên-Âm-Huê

L. T. S. — Bản báo mở ra mục này là cốt để sưu-tập ý kiến của bạn đọc-giả cùng với người đệ-tử Phật lấy con mắt người học Phật mà xem xét việc đời ra thế nào. Dù là ý-kiến chưa hợp với Phật-pháp chúng tôi cũng xin đăng để nhờ độc-giả phê-bình và phán-đoán.

Bà con ai có ý-kiến gì hay xin viết cho Bản-báo, duy không được quá hai trương giấy vì sợ không đủ chỗ đăng.

Viên-Âm





ở Miền-diện kháng nghị bọn ngoại đạo xâm chiếm Tò đình ở Ấn-đô

Bồ-đề trường là một nơi Thánh-địa của đức Phật-tổ Thích-ca ta thành đạo ở đấy, về đời mạt-pháp này chẳng may bị bọn ngoại đạo chiếm lãnh trong một thời gian khá dài, như những tin mà ký-giả đã lược thuật trước. Việc này Hội Bồ-Đề ở Ấn-đô đã nói rõ lý-do, và thỉnh cầu nghị-viện Lập-pháp (Ấn-đô) xử trí, khiến bọn ngoại đạo kia phải trả lại, cho Phật-giáo-đồ, dặng Phật-giáo-đồ tự cai quản lấy, thế mà chánh-phủ ở Ấn-đô đối với lời thỉnh-cầu ấy chưa hề giải-quyết, trái lại còn đem những vật-sản của Phật-giáo-đồ đã tổ-chức để trông coi về chỗ ấy mà thâu tiêu sạch hết, làm cho bọn ngoại - đạo kia còn thêm buồn lung, mặc dầu phá hoại, hình như không còn biết kiêng dè sợ hãi là gì nữa, toàn thế-giới năm vạn vạn Phật-giáo-đồ ai nghe đến tin ấy lại không đau lòng xót dạ, và bất-mãn cho Chánh-phủ Ấn Độ là quá trái đạo-lý.

Gần đây toàn-quốc Phật-giáo-đồ ở Miền-Điện mở Đại-hội-Nghị ở Kim - Tháp (大金塔) do Phật-giáo lãnh-tụ là ALETAWYA SAYADAW làm chủ-tịch, về bên tại-gia thì có giáo-dục Đại-thần là U THEIN MAUNG làm chủ-tịch, ngoài ra còn có những bậc yếu-nhân trong Phật-giáo từ thành thị cho đến thôn quê đều đến dự Hội rất đông, toàn hội đều tổ một lòng cương quyết : « Bồ-Đề trường hệ thị là một nơi Tò-dình của Phật-giáo, dẫu thế nào cũng thâu về cho Phật-giáo-đồ tự chủ trương lấy mới được. Đương cuộc Hội có công-cử lâm-hành ủy - viên 22 người, chịu trách nhiệm sắp đặt về công việc vận - động khôi - phục Thánh-địa, và Hội giao quyền chủ tịch cho 22 người ấy tùy thời có thể đại-biểu toàn hội mà giao-thiệp với Chánh-phủ những điều có quan hệ v, v.

Phật-giáo giới ở Tích-Lan cũng vì một mục-dịch thâu lại nơi Tổ-dinh của Phật-giáo, nên ở tại Colombo đã phát-khí tổ-chức một Hội gọi là “ Bồ-đề trường khôi phục đồng minh ” hội thành lập đã trên hai tháng nay ; gần đây lại tuyên bố cho Phật-giáo-dồ ở các nước yêu cầu phần khôi, cũng đồng-minh hiệp-tác, mong cho chóng đạt mục-dịch khôi phục v. v.

Hiện nay ở Miến-diện, Ấn-dộ đều có ý-kiến tuyên truyền vận-dộng ấy, chính là trung cầu người đồng chí, nên các nước có Phật-giáo ai đã tán-trợ việc này, muốn hiệp tác với Hội “ Bồ-đề trường khôi phục đồng minh ” xin biên thư tỏ bày ý kiến vận-dộng cùng kế-hoạch khôi phục gửi ngay cho chức liên-minh bí-thư nhận, địa chỉ xin đề bằng chữ Anh như dưới này :

BNDDHA GAYA DEFENCE LEAGNE
N° 32, Frances RD. Welawatte, COLOMBO
(CEYLEN)

MẬT-THỀ dịch thuật



Ai là bạn Độc-giả VIÊN-ÂM?

Các ngài cũng biết VIÊN-ÂM là một cơ-quan truyền bá Phật-học của toàn thể Annam-Phật-học-Hội, lại là một tờ tạp-chí sưu tập phiên dịch các Kinh, Điển nghĩa lý rất ráo tinh tường, hầu khắp các nhà học Phật cả ba kỳ đều công nhận VIÊN-ÂM đã giúp một phần lớn trong vấn đề hoằng-pháp hiện thời vậy.

VIÊN-ÂM đã có công với Phật-Pháp như vậy mà sao vẫn thấy ít lưu hành trong xứ Trung-Kỳ, hay là xứ Trung-Kỳ ít người học Phật chăng? Quyết chắc là không, vì xem dân số Trung-Kỳ thì ba phần tư dân theo Đạo Phật, hay là vì ít người chịu nghiên cứu Phật-lý chăng? Cũng không phải, vì hiện nay Hội-viên của Annam-Phật-Học có gần hai nghìn lễ nào không có người khảo cứu! Xét cho cùng thì tôi thấy có các cơ sau này làm cho VIÊN-ÂM khó tiến hành trong xứ là vì đây :

Một là. — Vì VIÊN-ÂM khó hiểu, nghĩa lý quá cao siêu làm cho người mua sanh lòng chán nản, vì đọc không hiểu.

Hai là. — Vì VIÊN-ÂM chậm trễ nhiều ngày làm cho độc-giả chán nản.

Ba là. — Vì VIÊN-ÂM văn thể quá nghiêm nghị làm cho người đọc dễ sanh phiền, không có dụng trào phúng hoạt động như báo khác.

Khoản thứ nhất. — Chúng tôi xin giải rằng: “Hiện nay trong cả ba kỳ tạp-chí Phật-học ra gần mười tờ, xét về Đạo-lý thì các báo ấy chuyên môn về mặt Đạo-lý phổ-thông rất nhiều mà về mặt Đạo-lý nghiên-cứu thời rất ít. Vả hiện nay phần đông phái tân-học và cựu nho có học các triết-lý Ấn-Á họ muốn khảo cứu Phật-pháp cho tinh tường mà không có mấy số tạp-chí Phật-học quốc-ngữ cho họ khảo-cứu để làm tiêu-chuẩn cho sự tin-ngưỡng của họ, hai là vì trong phái Tăng-già xưa nay học kinh điển tuy nhiều mà phương-tiện hoằng-pháp về lời-lẽ thời chưa đủ để ra hoằng-hóa, vậy nên phần đông người trong phái này rất mến Viên-Âm và đã công-nhận Viên-Âm đã giúp được nhiều trên con đường hoằng-pháp. Nói như vậy chắc có người trách rằng: Viên-Âm đã cốt để

riêng cho hai phái trên ấy đọc, thì định gì đến chúng tôi; xin thưa rằng: Vì buổi mặt-pháp, người học Phật nhiều chỗ sai lầm, nếu không gây cái gốc cho vững bền thì sau khó nổi mong đâm chồi nảy ngọn cho tốt được. Huống chi VIỆN-ẨM chúng tôi hiện nay đã chia ra hai phần, một phần phổ thông, một phần khảo cứu những bài phổ-thông lần lần sẽ đăng.

Khoản thứ hai. — VIỆN-ẨM nay đã đặt ra ba ban : một ban Quản-lý lo việc in và sắp đặt bài kiểm-đuyệt rồi, hai là ban Giao thiệp lo giao-thiệp với các độc-giả, ba là ban Biên-tập toàn mời các tay học thâm Đạo-lý phái Tăng-già và Cư-sĩ viết giúp bài, thời sự trể nải quyết không khi nào còn, vì như trước VIỆN-ẨM là riêng của một hai người lập ra, mà nay là toàn thể Hội-viên Annam Phật-Học. Hội ai muốn vào giúp ban VIỆN-ẨM đều mời vào giúp cả.

Khoản thứ ba. — Văn-thẻ VIỆN-ẨM trước là do một vài người viết mà nay là của toàn thể tín-dồ và cả Hội-viên nếu ai viết bài gì đúng đạo-lý đều đề y nguyên-văn mà đăng chứ không bỏ hết.

Các ngài nghe Tòa-soan chúng tôi giải như vậy lẽ cũng rõ VIỆN-ẨM sau này sẽ ra sao? Vậy xin các ngài gắng sức giúp giùm cho VIỆN-ẨM sống được thì cơ hoằng-pháp mới được lâu dài. Nếu ngài coi hiểu được nhiều thì nỡ nói chi, nếu ngài nào không hiểu được mấy, cũng nên nghĩ việc mua VIỆN-ẨM là bổn-phận người Hội-viên giúp một cơ-quan hoằng-pháp của Hội, và nên xem như là việc in Kinh, ấn tống Kinh đều là các phước-sự đáng nên làm vì tuy mình không có ích mấy mà có lợi ích cho nhiều người khác tu học khỏi sai đường lạc nẻo.

Vậy bà con ai nấy đều nên gắng sức, trước giúp VIỆN-ẨM được vững bền sau bỏ một quyền trong nhà phòng khi con cháu có cần đến, hoặc lúc buồn bực quyền VIỆN-ẨM chính là vị thuốc hay để sẵn trong nhà đó vậy.

Ai là đệ-tử Phật, ai là Hội-viên xứ Trung-kỳ nên gắng mua cho bằng số độc-giả Nam-kỳ là gần 1000 người, mà độc-giả Trung-kỳ mới có 300, 400 mà thôi.

Xin bà con chú ý cho.

• *Tòa-Soạn kinh sách*

ĐUỐC-TUỆ

Cơ-quan truyền bá giáo-lý
của Đức Thế-Tôn — do Hội
Phật-Giáo Bắc-kỳ ấn hành.
Mỗi tháng xuất bản hai kỳ

1^{er} và 15

CÁC TÍN-ĐỒ NHÀ PHẬT NÊN ĐỌC BÁO ĐUỐC-TUỆ

GIÁ BÁO : { Một năm 1\$50
Sáu tháng 0, 80
Mỗi số 0 07

Thư và mandat xin để gửi cho

M. CUNG-ĐÌNH-BÍNH

Quản-lý báo ĐUỐC-TUỆ
số 73, phố Richaud — HANOI



BỐ - CÁO

Chúng tôi, Tăng-Già cùng Cư-Sĩ chùa SỪNG-
PHƯỚC Kiêm-Biên, xin bố cáo cho Chư-Sơn Thiện-
Đức cùng hải nội Thiện-Tín được hay, chúng tôi sẽ
xuất bản một Tạp-chí đề “**Ánh-sáng Phật-pháp**”
để làm cơ quan truyền bá Đạo Phật; mục đích của
chúng tôi trước là phiên dịch Tam-Tạng chữ Hán
ra Quốc-Ngữ, sau giải bày đạo lý ra cho thấy rõ
cái phép cứu cánh giải thoát của đức Như-Lai.

Tạp-chí này ra mỗi tháng một kỳ, kỳ nhất nhằm
ngày 1er Janvier 1938.

GIÁ TẠP-CHÍ :

Một năm 1\$50
Sáu tháng 0, 80
Mỗi số 0, 15

Thư từ và mandat xin gửi cho

M. TÔ-KIM-PHƯỚC

Caissier au Descours et Cabaud à PNÔM-PENH

MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt-San của Hội Phật-Học—Huế

TÒA SOẠN:

Route Nam-Giao—HUẾ

Chủ-bút : LÊ ĐÌNH-THẨM—Quản-lý : HOÀNG-XUÂN-BA

Boite postale N° 73 Huế

PHẬT-HỌC THIÊN-ĐÀM

Ông TẾ-NAM LIÊN-KHỐT đã tái bản quyền

PHẬT-HỌC THIÊN-ĐÀM
quyển ấy tòa báo chúng tôi đã
duyet y và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh **Phật-Học Thiên-Đàm**

Xin cứ gửi thơ cho Tòa soạn
viên-âm
Boite postale N° 73—HUẾ

Giá PHẬT-HỌC THIÊN-ĐÀM : 1 quyển 0\$05 — 10 quyển 0\$40

VIÊN-ÂM